

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN**

**TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG
CHO HS TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN NGỮ VĂN**

HÀ NỘI - 2022

Lời nói đầu

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030”, trong đó xác định nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là “đa dạng hóa nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng” và “nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, GV, giảng viên, cộng tác viên phụ trách công tác giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng trong các cơ sở giáo dục”.

Tài liệu hướng dẫn giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trung học cơ sở trong môn Ngữ văn được biên soạn trên cơ sở cập nhật những quy định hiện hành và những kết quả nghiên cứu, những hoạt động đã triển khai thành công trong thực tiễn để bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, GV, nhân viên, cộng tác viên phụ trách công tác Đoàn, Đội, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trong các nhà trường. Cấu trúc tài liệu gồm 03 phần:

Phần I. Một số vấn đề chung về giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trung học cơ sở.

Phần II. Hướng dẫn giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trung học cơ sở trong chương trình môn Ngữ văn.

Phần III. Kế hoạch minh họa giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trung học cơ sở trong môn Ngữ văn.

Mặc dù đã rất cố gắng để biên soạn tài liệu, song do nhiều nguyên nhân, tài liệu khó có thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, chúng tôi mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của đồng nghiệp để bổ sung, hoàn thiện tài liệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trong nhà trường, góp phần thực hiện thành công Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trân trọng cảm ơn.

Tập thể tác giả

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
	<i>Lời nói đầu</i>	2
	Phần I. Một số vấn đề chung về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở	5
I.	Một số khái niệm cơ bản	5
II.	Vai trò, đặc điểm, yêu cầu của giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở	7
III.	Khung nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở	9
1.	Nội dung và yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của học sinh trung học cơ sở theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018	9
2.	Định hướng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong bối cảnh hiện nay	9
IV.	Phương thức giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở	10
	Phần II. Hướng dẫn giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong chương trình môn Ngữ văn	11
I.	Đặc điểm môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	11
II.	Nguyên tắc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn	12
III.	Gợi ý nội dung giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn	15
IV.	Một số hình thức giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn	25
V.	Một số phương pháp dạy học tích cực để giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn	26
VI.	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn	31
1.	Tích hợp trong bài học cụ thể	31
2.	Thiết kế chủ đề giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh	35
3.	Xây dựng kế hoạch dạy học giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh theo định kì năm học	36
VII.	Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn	41
	Phần III. Kế hoạch minh họa giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn	43
1.	Kế hoạch minh họa bài học tích hợp từng kĩ năng trong chủ đề/bài học	43
2.	Kế hoạch minh họa bài học/chủ đề tích hợp theo định kì của năm học	66
	Phụ lục	71
	Tài liệu tham khảo	76

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CTGDPT	Chương trình Giáo dục phổ thông
DHTC	Đạy học tích cực
ĐĐLS	Đạo đức, lối sống
GDCD	Giáo dục công dân
GĐĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	GV
GVBM	GV bộ môn
GVCN	GV chủ nhiệm
HĐ	Hoạt động
HĐGD	Hoạt động giáo dục
HS	HS
KH	Kế hoạch
LLGD	Lực lượng giáo dục
PHHS	Phụ huynh HS
PC, NL	Phẩm chất, năng lực
PP	Phương pháp
PPDH	Phương pháp dạy học
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TNTNND	Thanh niên, thiếu niên, nhi đồng
VBVH	Văn bản văn học
VBNL	Văn bản nghị luận
VBTT	Văn bản thông tin
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

Phần I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO HS TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. Một số khái niệm cơ bản

1. Đạo đức

Theo Từ điển Tiếng Việt, đạo đức là “phép tắc về quan hệ giữa người và người, giữa cá nhân với tập thể, với xã hội”, là “phẩm chất tốt đẹp của con người: sống có đạo đức, rèn luyện đạo đức”¹.

Theo nhóm tác giả Mai Văn Bính (Chủ biên), Lê Thanh Hà, Nguyễn Thị Thanh Mai, Lưu Thu Thủy, đạo đức “là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội”².

Như vậy, bản chất đạo đức là những quy tắc, chuẩn mực trong quan hệ xã hội được xã hội thừa nhận và tự giác thực hiện. Với HS, đạo đức được hiểu là trách nhiệm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, quyền và nghĩa vụ của HS được thể hiện ở thái độ, hành vi, hiệu quả học tập và rèn luyện.

2. Lối sống

Lối sống “là cách thức diễn ra của hoạt động đã trở thành ổn định, mang đặc điểm riêng”³. Có nhiều quan điểm khác nhau về lối sống và hiểu một cách khái quát nhất *lối sống chính là những hoạt động sống của con người chịu sự chi phối, quy định của những điều kiện văn hóa, kinh tế, xã hội nhất định*. Về thực chất, lối sống là cách thức con người ứng xử với tự nhiên và xã hội để tồn tại và phát triển.

Theo nhóm tác giả Trần Kiều, Vũ Trọng Rỹ, Hà Nhật Thăng và Lưu Thu Thủy: “Lối sống là những cách suy nghĩ, kỹ năng ứng xử (cách nghĩ, nếp sinh hoạt, thói quen, phong cách học tập, làm việc, giao tiếp, xử sự...) tạo nên cái riêng của mỗi cá nhân hay một nhóm người nào đó”⁴.

Như vậy, lối sống là tổng hòa những dạng hoạt động sống ổn định của cộng đồng và các cá nhân, thể hiện đặc trưng riêng của từng cá nhân, từng cộng đồng người, được thực hiện theo chuẩn giá trị xã hội nào đó trong sự thống nhất với các điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Lối sống phụ thuộc vào thời đại

¹ Hoàng Phê chủ biên (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện Ngôn Ngữ học, NXB Đà Nẵng.

² Mai Văn Bính (Chủ biên), Lê Thanh Hà, Nguyễn Thị Thanh Mai, Lưu Thu Thủy, *Giáo dục công dân 10*, NXB Giáo dục Việt Nam (2014).

³ Hoàng Phê chủ biên (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện Ngôn Ngữ học, NXB Đà Nẵng.

⁴ Trần Kiều, Vũ Trọng Rỹ, Hà Nhật Thăng, Lưu Thu Thủy (2001), *Thực trạng và giải pháp giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống cho thanh niên HS, sinh viên trong chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, NXB Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, tr. 10.

con người đang sống, với các điều kiện vật chất, kinh tế, các quan hệ xã hội, các thói quen, tập quán, tục lệ của thời đại đó.

3. Giáo dục đạo đức, lối sống

Giáo dục đạo đức là quá trình tác động đến đối tượng giáo dục để hình thành trong họ những yếu tố tình cảm, niềm tin, lý tưởng và tất cả được thể hiện thông qua hoạt động thực tiễn của con người.

Theo tác giả Hà Thế Ngữ và Đặng Vũ Hoạt: “Giáo dục đạo đức là quá trình biến các chuẩn mực đạo đức, từ những đòi hỏi bên ngoài của xã hội đối với cá nhân thành những đòi hỏi bên trong của bản thân, thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục”⁵.

Tiếp cận khái niệm giáo dục đạo đức trong môi quan hệ thống nhất giữa nhận thức - tình cảm - thái độ - hành vi, nhà nghiên cứu Phạm Minh Hạc cho rằng “giáo dục đạo đức là một quá trình kết hợp nâng cao nhận thức với hình thành thái độ, xúc cảm, tình cảm, niềm tin hành vi và thói quen đạo đức”⁶.

Dưới góc độ giáo dục học, giáo dục đạo đức là bộ phận hợp thành của nội dung giáo dục toàn diện nhằm giúp thế hệ trẻ hình thành lý tưởng, ý thức và tình cảm đạo đức, tạo nên những hành vi và thói quen hành vi đạo đức của con người mới, xã hội chủ nghĩa thể hiện ở những phẩm chất đạo đức.

Giáo dục hành vi đạo đức là tổ chức cho HS lặp đi, lặp lại nhiều lần những thao tác, hành động đạo đức trong học tập, sinh hoạt, trong cuộc sống nhằm có được hành vi đạo đức đúng đắn và từ đó có thói quen đạo đức bền vững.

Giáo dục lối sống cho HS là giáo dục cho HS cách cư xử chuẩn mực trong cuộc sống thường ngày, cách cư xử có văn hóa trong các mối quan hệ với chính bản thân mình, với những người khác, với môi trường thiên nhiên...

Như vậy, có thể hiểu giáo dục đạo đức, lối sống cho HS là quá trình chuyển hóa các chuẩn mực đạo đức, lối sống từ những đòi hỏi bên ngoài của xã hội thành những đòi hỏi bên trong của mỗi HS thành tình cảm, ý chí, niềm tin, lý tưởng, nhu cầu, thói quen, hành vi ứng xử của HS. Giáo dục đạo đức, lối sống làm cho các quy tắc, các chuẩn mực đạo đức, của lối sống xã hội được HS nhận thức một cách đúng đắn, đầy đủ hơn, góp phần điều chỉnh hành vi của HS phù hợp với những chuẩn mực đạo đức xã hội.

⁵ TS. Nguyễn Xuân Trung (Chủ biên), TS. Lê Thị Thu Hồng, Ths Trần Thị Hợi, Ths Lê Thị Hằng, *Giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và cộng đồng Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Lao động-Xã hội.

⁶ TS. Nguyễn Xuân Trung (Chủ biên), TS. Lê Thị Thu Hồng, Ths Trần Thị Hợi, Ths Lê Thị Hằng, *Giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và cộng đồng Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Lao động-Xã hội.

Ngày nay, giáo dục đạo đức cho HS là giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa. Giáo dục đạo đức chính là hình thành và phát triển ở HS tinh thần yêu nước, thấm nhuần lý tưởng xã hội chủ nghĩa, thật sự say mê học tập, có ý thức tổ chức kỷ luật, kính thầy, yêu bạn, có nếp sống lành mạnh, biết tôn trọng pháp luật để HS thực sự trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước, nhân tố quan trọng góp phần quyết định tương lai, vận mệnh của đất nước. Mục đích của việc giáo dục đạo đức, lối sống là góp phần hình thành, củng cố và phát triển lý tưởng sống, khát vọng sống cho HS. Đó chính là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là ước mơ, hoài bão mang tài năng, sức lực của cá nhân để đóng góp cho xã hội, làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, con người ngày càng hoàn thiện hơn.

Với HS, lý tưởng sống, khát vọng cống hiến không phải là những hành động quá lớn lao, vĩ đại mà có thể biểu hiện qua những suy nghĩ tích cực, hành vi, ứng xử văn hoá, hoạt động có ích, xuất hiện trong cuộc sống hàng ngày. HS tự nguyện, tự giác đóng góp trí tuệ, tài năng và tâm huyết của bản thân vì lợi ích của tập thể và cộng đồng trong mọi hoàn cảnh, mọi lúc, mọi nơi mà không đòi hỏi được đáp lại. Để phát huy khát vọng cống hiến, lối sống cống hiến, HS có thể đóng góp từ những việc có ý nghĩa dù là đơn giản nhất, duy trì đạo đức, hoàn thiện bản thân và hướng đến những giá trị tốt đẹp.

II. Vai trò, đặc điểm, yêu cầu của giáo dục đạo đức, lối sống trong nhà trường

1. Vai trò

a) Giáo dục ĐĐLS cho HS giữ vai trò quan trọng đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân HS. Giáo dục ĐĐLS tạo động lực thôi thúc HS hăng hái quyết tâm nghiên cứu học tập, tiếp thu tri thức khoa học để nâng cao hiểu biết, cổ vũ, động viên HS tự ý thức, tự rèn luyện, hình thành niềm tin, thế giới quan khoa học. Giáo dục ĐĐLS có ý nghĩa quyết định trực tiếp giúp HS hiểu rõ được mục đích, ý nghĩa cuộc sống và xây dựng nhân sinh quan cách mạng. Giáo dục ĐĐLS góp phần tích cực trong quá trình xây dựng phẩm chất đạo đức cá nhân và xây dựng những phẩm chất ý chí, tính kỷ luật, cách ứng xử của HS. Thông qua giáo dục ĐĐLS, các giá trị văn hoá, đạo đức truyền thống của dân tộc được HS tiếp nhận, kế thừa và phát huy.

b) Giáo dục ĐĐLS cho HS là một nhiệm vụ quan trọng trong các nhà trường, là hoạt động có tính chiến lược, nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Giáo dục ĐĐLS là nền tảng của các mặt giáo dục khác, được thể hiện qua phương châm dạy học, từ xưa là “Tiên học lễ, hậu học văn” và ngày nay là “Dạy chữ, dạy người, dạy nghề”. Đây là vấn đề có giá trị định hướng lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đặc điểm

a) Giáo dục ĐĐLS cho HS là một quá trình lâu dài, đi từ việc giúp HS

nhận biết lý tưởng cách mạng của Đảng, các chuẩn mực, các quy tắc đạo đức, ứng xử xã hội đến việc giúp HS hiểu, tin tưởng, mong muốn làm theo và tự giác thực hiện trong cuộc sống.

b) Quá trình giáo dục ĐĐLS cho HS đòi hỏi phải có sự gắn kết chặt chẽ giữa quá trình dạy học các môn học với quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, giữa giáo dục trên lớp, trong trường với giáo dục ngoài nhà trường.

c) Hoạt động giáo dục ĐĐLS cho HS diễn ra dưới tác động phức hợp từ nhiều phía. Đó là những tác động từ giáo dục gia đình, giáo dục cộng đồng và xã hội. Những tác động này đan xen vào nhau, cùng chi phối đến nhận thức, thái độ, tình cảm và hành vi cá nhân của HS. Trong đó, giáo dục gia đình là nền tảng trong giáo dục ĐĐLS cho HS, tạo môi trường thuận lợi để HS học tập, rèn luyện, hình thành, củng cố, phát triển các kỹ năng; hoàn thiện phẩm chất và năng lực.

Do vậy, ngoài việc quan tâm, đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐLS cho HS trong nhà trường, cần chú trọng phát huy vai trò nêu gương từ các cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong nhà trường. Nếu mỗi cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong nhà trường thực sự là một tấm gương sáng về đạo đức, lối sống thân thiện, gần gũi, tôn trọng, yêu thương HS sẽ trở thành mẫu hình cho HS. Đồng thời, mỗi cán bộ quản lý, GV, nhân viên từ vị trí, nhiệm vụ của mình luôn thể hiện được sự khao khát lý tưởng, khao khát cống hiến sẽ tạo động lực cho HS trong việc theo đuổi lý tưởng và khát vọng của bản thân. Khi đó, sẽ xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp giữa thầy với trò, giữa trò với trò giúp HS vượt qua được những “khủng hoảng” về tâm lý và xác định đúng các giá trị sống, lý tưởng sống, khát vọng sống cho bản thân.

d) Nền tảng bảo đảm giá trị bền vững của giáo dục ĐĐLS cho HS là phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các em thông qua chương trình hành động đa dạng, thiết thực và hiệu quả.

e) Việc đánh giá kết quả, sự phát triển ĐĐLS của mỗi HS được thực hiện linh hoạt, thông qua nhiều hình thức đa dạng, trong đó chú trọng ghi nhận sự tiến bộ của HS; động viên, khuyến khích HS tích cực, nỗ lực rèn luyện. Đánh giá kết quả giáo dục ĐĐLS của HS cần phải toàn diện về tất cả các mặt: ý thức, hành vi và thói quen sống và ứng xử trong thực tiễn cuộc sống. Do vậy, việc đánh giá kết quả giáo dục ĐĐLS của HS khá khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự tham gia đánh giá của nhiều lực lượng giáo dục, ở mọi lúc, mọi nơi.

3. Yêu cầu của hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trong nhà trường

a) Hoạt động giáo dục ĐĐLS cho HS trong nhà trường cần bám sát nội dung, chương trình, mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

b) Nội dung giáo dục ĐĐLS cho HS trong nhà trường phải mang tính

hiện đại, đồng bộ, thống nhất với quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhưng không tách rời các giá trị đạo đức của dân tộc, xây dựng ý thức kỉ luật, hình thành kĩ năng sống và phù hợp với yêu cầu của thời đại mới. Trên cơ sở đó, thu hút HS tham gia vào các hoạt động giáo dục, tạo động lực cho các em trong việc thực hành, vận dụng các giá trị đạo đức vào xây dựng lý tưởng, lối sống và khát vọng cho bản thân; đồng thời đảm bảo sự đồng tâm và phát triển ở các bậc học.

c) Hình thức, phương pháp giáo dục ĐĐLS trong nhà trường bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi của HS mỗi cấp, điều kiện cụ thể của từng nhà trường và đặc thù vùng, miền.

d) Hoạt động giáo dục ĐĐLS cho HS cần được thực hiện thường xuyên, liên tục, xuyên suốt từ gia đình, nhà trường đến cộng đồng, xã hội. Trong đó, giáo dục đạo đức gắn chặt với giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục pháp luật, giáo dục trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và lao động hướng nghiệp.

III. Khung nội dung giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trung học cơ sở

1. Giáo dục đạo đức, lối sống cho HS là quá trình tác động lâu dài nhằm tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ, tình cảm và hành vi cá nhân của HS. Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, sự chuyển biến đó được thể hiện ở kết quả đầu ra gồm 05 phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm (*Nội dung chi tiết xin xem Phụ lục*).

2. Định hướng về giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trung học cơ sở trong bối cảnh hiện nay

2.1. Bối cảnh

Hiện nay, giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục ĐĐLS cho HS nói riêng chịu sự tác động nhiều chiều của xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Xu thế đó đặt văn hóa, giáo dục trước những thách thức, những nguy cơ bất ổn. Đó là khuynh hướng phổ biến các mô típ văn hóa chung toàn cầu, dẫn đến nguy cơ “đồng nhất các giá trị văn hóa”, đe dọa, xóa bỏ sự khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia dân tộc.

Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Do vậy, Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 đã định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo “chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”, phát huy sức mạnh nội sinh của dân tộc, góp phần thực hiện mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

2.2. Mục tiêu

- Tăng cường, tạo chuyên biến tích cực, toàn diện trong hoạt động giáo dục ĐDL cho HS (trong đó có HS THCS), góp phần xây dựng thế hệ trẻ kiên định lý tưởng cách mạng, có bản lĩnh chính trị vững vàng; tuân thủ pháp luật; có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội, có kỹ năng sống, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Khởi dậy trong HS tinh thần thi đua học tập, rèn luyện; ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng vươn lên lập thân, lập nghiệp; đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

2.3. Định hướng nội dung và yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Giáo dục đạo đức	
	- Có ý thức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
	- Nhận ra được giá trị của bản thân.
	- Có ý thức tìm hiểu về các phẩm chất của công dân toàn cầu.
Giáo dục lối sống	
	- Tự giác chấp hành nội quy, quy định của pháp luật.
	- Có tinh thần đoàn kết, xây dựng tập thể.
	- Phát hiện ra những biểu hiện tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, ích kỷ.
	- Chủ động tham gia các hoạt động Đoàn, Đội.
	- Có kỹ năng sử dụng internet hiệu quả, phục vụ nhu cầu của bản thân.

IV. Phương thức giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trung học cơ sở

Giáo dục đạo đức, lối sống cho HS trong các nhà trường nói chung và các trường THCS nói riêng dù có những yêu cầu cần đạt và đặc trưng khác nhau nhưng đều được thực hiện thông qua hai phương thức giáo dục (hay còn gọi là con đường giáo dục) chủ yếu, đó là:

- Giáo dục thông qua dạy học các môn học có tiềm năng.
- Giáo dục thông qua các hoạt động giáo dục (bao gồm: hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường, hoạt động giáo dục trải nghiệm ở tiểu học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở THCS và THPT như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề, sinh hoạt câu lạc bộ HS và các hoạt động trải nghiệm).

Mỗi phương thức giáo dục này cần đảm bảo những nguyên tắc riêng, được thực hiện theo những hình thức riêng và được đánh giá bằng những phương pháp, công cụ đặc trưng.

Phần II

HƯỚNG DẪN GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO HS TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN NGỮ VĂN

I. Đặc điểm môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Ngữ văn là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ và văn học, được học từ lớp 1 đến lớp 12. Ở cấp tiểu học, môn học này có tên là Tiếng Việt; ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông có tên là Ngữ văn.

Ngữ văn là môn học mang tính công cụ. Học Ngữ văn là học kỹ năng đọc - viết - nói và nghe. Để có được những kỹ năng này, HS phải được trang bị những hiểu biết cơ bản về tiếng Việt và cách sử dụng tiếng Việt (trong nói và viết). Trong quá trình bồi đắp tiếng Việt, HS có thể nhận thức được những đặc thù của tiếng Việt, trên cơ sở đó có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, làm cho tiếng Việt ngày càng trở nên phong phú. Nghĩa là thông qua ngôn ngữ, hình thành cho HS ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Ngữ văn là môn học mang tính thẩm mỹ - nhân văn. Thông qua văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động, môn Ngữ văn có vai trò to lớn trong việc tác động đến xúc cảm của HS, qua đó hình thành nhân sinh quan và thế giới quan của HS; phát triển ở học sinh những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống nhân ái, vị tha, ... Ngữ văn là môn học mang tính tổng hợp, bao gồm cả tri thức văn hoá, đạo đức, triết học, ... liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác. Môn Ngữ văn cũng liên quan mật thiết với cuộc sống, đặt ra những vấn đề liên quan tới cuộc sống, giúp học sinh biết quan tâm, gắn bó hơn với đời sống thường nhật, biết liên hệ và có kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về tiếng Việt và văn học, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh ở từng cấp học; được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Giai đoạn giáo dục cơ bản: Chương trình được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS ở mỗi cấp học. Mục tiêu của giai đoạn này là giúp HS sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học, hoạt động giáo dục khác; hình thành và phát triển năng lực văn học, một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để HS phát triển về tâm hồn, nhân cách.

Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Chương trình củng cố và phát triển các kết quả của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp HS nâng cao năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, nhất là tiếp nhận văn bản văn học; tăng cường kỹ năng

tạo lập văn bản nghị luận, văn bản thông tin có độ phức tạp hơn về nội dung và kỹ thuật viết; trang bị một số kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết về văn học; tiếp tục bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, tâm hồn, nhân cách để học sinh trở thành người công dân có trách nhiệm. Ngoài ra, trong mỗi năm, những HS có định hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HS.

Tính đặc thù của môn học là điều kiện thuận lợi để tích hợp giáo dục giáo dục lý tưởng cách mạng, ĐĐLS và khơi dậy khát vọng cống hiến cho HS. Chức năng này có thể được thực hiện thông qua những bức thông điệp mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm hoặc qua những mẫu hình tượng văn học lý tưởng để HS noi theo.

II. Nguyên tắc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn

Với môn Ngữ văn, giáo dục ĐĐLS cho HS có nhiều thuận lợi, thuộc về bản chất của môn học. Mỗi bài học đều chứa đựng những bài học saausawcs về lý tưởng, đạo đức, lối sống và khát vọng sống cho mỗi HS, góp phần hình thành tư tưởng, thế giới quan và nhân sinh quan cho các em. Để bảo đảm hiệu quả của việc giáo dục ĐĐLS cho HS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, ngoài những nguyên tắc chung trong các môn học, việc giáo dục ĐĐLS trong môn Ngữ văn cần đảm bảo những nguyên tắc đặc thù sau:

1. Giáo dục đạo đức, lối sống cho HS nhưng không làm thay đổi đặc trưng của môn học

Môn Ngữ văn hình thành và phát triển năng lực thẩm mỹ và năng lực ngôn ngữ cho HS. Năng lực thẩm mỹ là năng lực khám phá cái Đẹp trong văn chương và trong tiếng Việt để thưởng thức chúng; còn năng lực ngôn ngữ là năng lực làm chủ được tiếng Việt, biết sử dụng tiếng Việt một cách thuần thục để tạo lập văn bản (nói và viết) giúp cho việc diễn đạt, giao tiếp đạt hiệu quả. Hai năng lực này không tách rời nhau, mà có mối quan hệ gắn bó, tương hỗ để cùng phát triển... GV phải từ cái hay, cái đẹp của văn bản đề hướng HS đến những nội dung giáo dục ĐĐLS phù hợp. Nghĩa là những nội dung giáo dục ĐĐLS được thể hiện gián tiếp qua những rung cảm thẩm mỹ, tạo mối liên hệ chặt chẽ, hợp lí giữa kiến thức, kỹ năng trong bài học với việc hình thành lý tưởng, ĐĐLS cho HS. Theo nguyên tắc này, những đặc điểm, giá trị của bộ môn Ngữ văn phải là nền tảng tri thức để HS chiếm lĩnh và vận dụng. Trên cơ sở nền tảng tri thức ấy, GV hướng dẫn HS liên hệ, suy ngẫm về những vấn đề của đời sống và ý thức trách nhiệm của bản thân mình. Chính vì thế, giờ học Ngữ văn trước hết phải đảm bảo đặc trưng của môn học Ngữ văn.

Ví dụ: **Bài 1 (SGK Cảnh Đẹp)**: Trước hết GV đảm bảo HS đạt được yêu cầu cần đạt về kiến thức ngữ văn về truyền thuyết và truyện cổ tích qua 2 văn bản Thánh Gióng và Thạch Sanh như: nhận biết được chi tiết, cốt truyện, nhân vật,

yếu tố hoang đường, kỳ ảo đến đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể,.... Qua đó giáo dục cho HS lòng tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của nhân dân ta; cảm phục và trân trọng những người có tài, mang tài năng của mình ra giúp dân, giúp nước.

Tương tự, **Bài 2 (SGK Cánh Diều)**: khi học về thể loại thơ, trước hết HS nhận biết được các yếu tố về hình thức của thơ như: vần, nhịp, dòng và khổ thơ; yếu tố về nội dung của thơ như: đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa qua hai bài thơ viết về tình cảm của người mẹ đối với những người con (*Ái ơi tay mẹ*) và tình cảm của người con đối với mẹ (*Về thăm mẹ*), để từ đó giáo dục cho HS tình yêu thương người thân, trân trọng tình cảm gia đình.

Với mạch kiến thức Tiếng Việt thực hành, mỗi bài học cần hình thành cho HS không chỉ những tri thức về đặc điểm của Tiếng Việt, kĩ năng vận dụng những hiểu biết về Tiếng Việt vào đọc, viết, nói và nghe mà còn phải hình thành ở HS tình yêu đối với Tiếng Việt, có ý thức làm giàu đẹp cho Tiếng Việt - một phẩm chất quan trọng của tinh thần dân tộc, tình yêu Tổ quốc. Ví dụ, khi dạy học nội dung về từ mượn trong Tiếng Việt, HS không chỉ hiểu khái niệm từ mượn, nguồn gốc của từ mượn, lí do dùng từ mượn mà còn phải hình thành cho HS ý thức rằng, chỉ nên mượn các yếu tố ngôn ngữ nước ngoài khi từ vựng Tiếng Việt chưa có hoặc có nhưng khó truyền tải đúng sắc thái mà từ tiếng nước ngoài; mặt khác, nếu mượn từ của tiếng nước ngoài, phải Việt hóa sao cho phù hợp với cách tiếp nhận của người Việt, trên cơ sở đó làm giàu cho ngôn ngữ dân tộc; tránh sử dụng ngôn ngữ theo lối sính ngoại, thích chen đệm tiếng nước ngoài, nhất là Tiếng Anh trong những trường hợp không cần thiết.

Với mạch kĩ năng nói và nghe, nguyên tắc này đòi hỏi GV lựa chọn những đề tài trao đổi, thảo luận, thuyết trình về những vấn đề thuộc yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Đề tài, nội dung nói và nghe vẫn phải đảm bảo đúng đặc trưng của một giờ học Ngữ văn. Tuy nhiên, với mỗi vấn đề thảo luận, GV có thể nêu ra yêu cầu liên hệ một cách tự nhiên với ý thức, trách nhiệm của bản thân HS đối với bản thân, gia đình và cộng đồng. Ví dụ, với yêu cầu của giờ luyện nói là giới thiệu một truyện ngắn, GV có thể yêu cầu HS giới thiệu về tác động của truyện ngắn ấy với việc thay đổi suy nghĩ, hoặc hành vi của mình theo hướng tích cực phù hợp với nội dung giáo dục ĐĐLS trong chương trình.

2. Giáo dục ĐĐLS cho HS dựa trên nguyên tắc chọn lọc

Nội dung mỗi bài học trong nhà trường luôn được thực hiện trong một khoảng thời lượng hữu hạn. Vì thế, việc lựa chọn nội dung dạy học là khâu quan trọng trong thiết kế và tổ chức các hoạt động học. Nội dung dạy học phải được lựa chọn theo hướng trọng tâm, cốt lõi, phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình môn học. Sau khi lựa chọn được nội dung dạy học, người dạy tiếp tục lựa chọn nội dung tích hợp. Theo đó, nội dung tích hợp cũng phải được lựa chọn trên nguyên tắc phù hợp với đối tượng HS, tinh gọn, không gượng ép, tránh quá tải, chồng chéo, mất cân đối giữa các bài học.

Nội dung giáo dục phải đảm bảo phù hợp với đối tượng HS. Sự phù hợp ở đây được hiểu theo nghĩa phù hợp với lứa tuổi, tâm lý tiếp nhận, đặc điểm vùng miền. Ví dụ, với học sinh lớp 6, do khả năng tư duy trừu tượng còn đang hình

thành, người dạy cần chú ý hạn chế hoặc thậm chí tránh dùng những thuật ngữ chính trị, đạo đức học hoặc triết học trong quá trình tích hợp ĐĐLS cho HS. Ở lứa tuổi này, HS cần hình thành những ý niệm về lối sống văn minh, ý thức trách nhiệm, ... thông qua những ngữ liệu mang tính trực quan hoặc những hoạt động trải nghiệm; hoặc dựa trên những đặc điểm vùng miền, người dạy có thể lựa chọn những ngữ liệu gần gũi nhất với HS để từ đó thực hiện hai mục tiêu: vừa đáp ứng được yêu cầu cần đạt của môn học Ngữ văn, vừa tích hợp được những nội dung giáo dục ĐĐLS.

Nội dung giáo dục ĐĐLS cần đảm bảo tinh gọn, tránh quá tải, gây áp lực cho GV và HS. Một bài học đưa quá nhiều nội dung tích hợp sẽ không chỉ làm biến dạng môn học mà còn khiến cho giờ học quá tải, không hiệu quả. Để tránh sự quá tải, trong cả một bài dạy đọc hiểu truyện cổ tích *Thạch Sanh*, người dạy nên lựa chọn một vấn đề nội dung giáo dục tính trung thực, trách nhiệm cho HS khi liên hệ với triết lí *Ở hiền gặp lành* thể hiện trong tác phẩm.

Nội dung giáo dục ĐĐLS phải được lồng ghép, tích hợp một cách tự nhiên; phải lựa chọn những nội dung để nối kết với kiến thức trong bài học. Ví dụ, dạy đọc hiểu bài Thánh Gióng: người anh hùng của dân tộc sẵn sàng ra trận đánh giặc cứu nước, khát vọng cháy bỏng được đánh giặc, giữ nước. Từ nội dung này, GV có thể liên hệ với khát vọng được cống hiến, góp sức mình cho sự phát triển của đất nước, lòng tự tôn dân tộc. Tránh đưa những nội dung tích hợp không có mối liên hệ hoặc liên hệ gượng gạo với bài học. Ví dụ, khi dạy kĩ năng viết bài nghị luận xã hội về một vấn đề trong đời sống, GV cần xác định mục tiêu chính của bài học là giúp HS nhận diện được bố cục, mô hình chung và những yêu cầu của bài văn nghị luận xã hội; thực hành viết được bài nghị luận về vấn đề của đời sống theo đúng quy trình. Để thực hiện những mục tiêu này, GV có thể lựa chọn một ngữ liệu có nội dung đề cập đến trách nhiệm của thế hệ trẻ với cộng đồng, đất nước để phân tích mẫu. Từ ngữ liệu mẫu này, GV tích hợp với các nội dung giáo dục ĐĐLS. Đồng thời, để bài học có tính giáo dục sâu sắc hơn, GV có thể yêu cầu HS thực hành viết các đề luyện tập, thực hành viết theo hướng từ một hiện tượng xã hội, yêu cầu HS suy ngẫm về ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ với đất nước.

Nội dung giáo dục ĐĐLS phải được phân bố hợp lí trong năm học, tránh hiện tượng trùng lặp, gượng ép và áp đặt. Theo đó, những nội dung giáo dục ĐĐLS phải được lựa chọn sắp xếp và được thể hiện trong kế hoạch dạy học của GV từ đầu năm học. Nghĩa là khi xây dựng kế hoạch dạy học - một mục quan trọng trong kế hoạch giáo dục của GV, người dạy lựa chọn, phân phối một cách hợp lý nội dung tích hợp.

3. Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống phải tạo được hứng thú và phát huy tính tích cực của học sinh

Nội dung tích hợp phải giúp cho bài học thêm sinh động, tạo nên sự cuốn hút, sức hấp dẫn cho HS bởi nếu không tạo được sức hấp dẫn thì người dạy khó chuyển tải được những giá trị giáo dục đến HS. Theo nguyên tắc này, những nội dung được tích hợp phải giúp HS có thêm những góc nhìn về nội dung bài học, những vấn đề trong bài học. Ví dụ, với những bài học đọc hiểu văn bản văn học, việc tích hợp phải làm nổi bật được những giá trị phong phú của tác phẩm; giúp

HS không chỉ nối kết được những vấn đề đặt ra trong tác phẩm với thực tiễn mà còn nhìn tác phẩm trong nhiều mối quan hệ.

Nội dung tích hợp phải phát huy cao độ tính tích cực của HS và kinh nghiệm thực tế của các em đã có, tận dụng tối đa mọi khả năng để HS rèn luyện hành vi đạo đức. Theo nguyên tắc này, nội dung giáo dục ĐĐLS được đưa vào bài học Ngữ văn phải phản ánh thực tế các sự việc diễn ra trong cuộc sống; tạo nên những ấn tượng cụ thể, trực quan và sâu sắc cho HS. Quá trình dạy học tích hợp và quá trình học tập không tách rời cuộc sống hàng ngày của HS mà được tiến hành trong tình huống cụ thể HS gặp hàng ngày, gặp sau này. Nghĩa là phải chuẩn bị được những tình huống có ý nghĩa đối với HS.

III. Gợi ý địa nội dung giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn

1. Gợi ý nội dung tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS vào chương trình Giáo dục phổ thông 2018

1.1. Lớp 6

TT	Yêu cầu cần đạt	Gợi ý nội dung tích hợp
1	<p>Đọc hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - VB VH: Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra. - VB NL: Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân. - VB TT: Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm phục và trân trọng người tài. - Yêu thương và trân trọng tình cảm gia đình. - Nhân ái, đồng cảm với những hoàn cảnh khó khăn, thiệt thòi - Có tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước. - Tôn trọng sự khác biệt; yêu cái Đẹp.
2	<p>Viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. - Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm: nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lý lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cảm xúc yêu thương, biết ơn, chia sẻ, rút ra bài học cho bản thân đối với những trải nghiệm mà mình đã trải qua. - Tự tin thể hiện quan điểm, ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm.
3	<p>Nói và nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, thể hiện cảm xúc 	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu quê hương, đất nước qua một chuyến đi.

<p>và suy nghĩ về trải nghiệm đó.</p> <p>- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.</p>	<p>- Cảm nhận lòng tốt của những người xung quanh qua một câu chuyện cụ thể.</p> <p>- Nhận biết và thể hiện quan điểm của cá nhân trước một vấn đề trong đời sống.</p>
--	--

1.2. Lớp 7

TT	Yêu cầu cần đạt	Gợi ý nội dung tích hợp
1	<p>Đọc hiểu:</p> <p>- VB VH:</p> <p>+ Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.</p> <p>+ Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm; nêu được lí do.</p> <p>- VB NL:</p> <p>Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.</p> <p>- VB TT: Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.</p>	<p>- Cảm thông, chia sẻ với người khác và những cảnh ngộ éo le trong cuộc sống.</p> <p>- Yêu thương bạn bè, người thân, biết ứng xử đúng mực, nhân văn.</p> <p>- Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.</p> <p>- Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Khiêm tốn, kiên trì, nhân nghĩa, sống có trách nhiệm.</p>
2	<p>Viết:</p> <p>Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.</p>	<p>- Biết ơn, trân trọng đối với một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.</p> <p>- Thể hiện quan điểm với những vấn đề trong đời sống.</p>
3	<p>Nói và nghe:</p> <p>- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.</p> <p>- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.</p>	<p>- Thể hiện ý kiến cá nhân về các vấn đề trong cuộc sống.</p> <p>- Tôn trọng ý kiến của người khác.</p>

1.3. Lớp 8

TT	Yêu cầu cần đạt	Gợi ý nội dung tích hợp
1	<p>Đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - VBVBH: Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học. - VBNL: Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại - VBTT: Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục cho HS tình cảm yêu thương gia đình; Trân trọng tình cảm bạn bè; Đối xử với những người xung quanh chan hòa, biết kính trên, nhường dưới. - Có những liên hệ về cách ứng xử trong những vấn đề của xã hội hiện đại; nhìn nhận đánh giá vấn đề trong cuộc một cách công bằng, khách quan, nhân ái.
2	<p>Viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả 2 yếu tố này trong văn bản - Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục cho HS tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Trân trọng những gì mình có trong hiện tại; Biết ơn những người đi trước,.. - Giáo dục lòng yêu thương con người, đồng cảm với những hoàn cảnh đặc biệt,...
3	<p>Nói và nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; - Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ quan điểm, chính kiến về một vấn đề xã hội, một vấn đề trong cuộc sống; Nhận ra giá trị của bản thân; Tôn trọng sự khác biệt trong bày tỏ quan điểm.

1.4. Lớp 9

TT	Yêu cầu cần đạt	Gợi ý nội dung tích hợp
1	<p>1. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - VBVBH: Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại. - VBNL: Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục HS có lối sống đúng đắn, yêu thương bản thân, gia đình và cộng đồng; Nhìn nhận, đánh giá một vấn đề từ nhiều khía cạnh, góc nhìn khác nhau; Thận trọng trong đánh giá và nhận xét người khác.

	<p>sử, văn hoá, xã hội.</p> <p>- VBTT: Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống</p>	<p>- GD HS lòng yêu thương con người; giữ gìn, bảo tồn, phát huy trân trọng các giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc; tôn trọng sự khác biệt trong xã hội; ...</p> <p>- HS vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học vào việc giải quyết được những tình huống xảy ra trong cuộc sống; tôn trọng bạn bè, kính trọng thầy cô, có tinh thần xây dựng tập thể đoàn kết.</p>
2	<p>Viết: Có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn văn bản của người khác.</p>	<p>- GD HS có ý thức tôn trọng bản quyền; không vi phạm quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ của người khác; thực hiện nội quy, quy định của pháp luật.</p> <p>- Trích dẫn nguồn rõ ràng khi tham khảo tài liệu, công trình nghiên cứu của người khác.</p>
3	<p>Nói và nghe</p> <p>- Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.</p> <p>- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.</p>	<p>- GD HS đức tính trung thực trong suy nghĩ, việc làm; có chính kiến khi trình bày một vấn đề có tính thời sự;</p> <p>- Quan tâm đến những vấn đề liên quan đến bản thân.</p>

2. Gợi ý nội dung tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS vào Sách giáo khoa lớp 6, 7 của chương trình Giáo dục phổ thông 2018

2.1. Lớp 6

TT	Yêu cầu cần đạt	Gợi ý nội dung tích hợp		
		Bộ Cánh diều	Bộ Chân trời sáng tạo	Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống
1	<p>Đọc hiểu</p> <p>- VBVBH: Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.</p> <p>- VBNTL:</p>	<p>Bài 1: Truyện: Tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của nhân dân ta (<i>Thánh Gióng</i>); cảm phục và trân trọng những</p>	<p>Bài 1: Lắng nghe lịch sử nước mình: Giữ gìn và phát huy truyền thống dựng nước, giữ nước; trân trọng các</p>	<p>Bài 1: Tôi và các bạn: Lòng nhân ái, chan hòa, khiêm tốn, trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt (<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>)</p>

	<p>Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.</p> <p>- VBTT: Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân.</p>	<p>người có tài (<i>Thạch Sanh</i>)</p> <p>Bài 2: Thơ: Yêu thương người thân, trân trọng tình cảm gia đình (<i>À ơi tay mẹ; Về thăm mẹ</i>)</p> <p>Bài 3: Ký: Trân trọng tình mẫu tử (<i>Trong lòng mẹ</i>); yêu thiên nhiên, thích khám phá (<i>Đông Tháp Mười mùa nước nổi</i>)</p> <p>Bài 4: VBNL: Tình cảm trân trọng, ngưỡng mộ đối với một nhà văn tài hoa (<i>Nguyễn Hồng – nhà văn của những người cùng khổ</i>); Tình yêu với vẻ đẹp của ca dao (<i>Vẻ đẹp của một bài ca dao</i>)</p> <p>Bài 6: Truyện: Biết ân hận về những việc làm không đúng (<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>); không tham</p>	<p>giá trị văn hóa của dân tộc</p> <p>Bài 2: Truyện cổ tích: Lòng yêu nước và nhân ái với những người xung quanh</p> <p>Bài 3: Vẻ quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương</p> <p>Bài 4: Những trải nghiệm trong đời: nhân ái, khoan dung với người khác; trân trọng những giá trị của cuộc sống</p> <p>Bài 5: Trò chuyện cùng thiên nhiên: Giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên; yêu thiên nhiên</p> <p>Bài 6: Điềm tựa tinh thần: Biết yêu thương và sống có trách nhiệm (<i>Gió lạnh đầu mùa; Tuổi thơ tôi</i>)</p> <p>Bài 7: Gia</p>	<p>Bài 2: Gõ cửa trái tim: Nhân ái, yêu thương gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống (<i>Mây và sóng</i>)</p> <p>Bài 3: Yêu thương và chia sẻ: Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh (<i>Cô bé bán diêm</i>)</p> <p>Bài 4. Quê hương yêu dấu: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước (<i>Ca dao về quê hương đất nước</i>)</p> <p>Bài 5: Những nẻo đường xứ sở: Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở (<i>Cô Tô</i>)</p> <p>Bài 6: Truyện kể về những người anh hùng: Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng (<i>Thánh Gióng, Sơn tinh, Thủy tinh</i>)</p> <p>Bài 7: Thế giới cổ tích: Sống vị tha, yêu thương</p>
--	--	--	--	---

		<p>lam, bội bạc (<i>Ông lão đánh cá và con cá vàng</i>)</p> <p>Bài 7: Thơ: Biết xúc động trước những việc làm và tình cảm cao đẹp (<i>Đêm nay Bác không ngủ</i>); trân trọng những suy nghĩ, hành động dũng cảm (<i>Lượm</i>); yêu quý bản thân và tự tin vào những giá trị của bản thân (<i>Gấu con chân vòng kiềng</i>)</p> <p>Bài 8: Văn bản nghị luận: Biết tiết kiệm nước sạch (<i>Khan hiếm nước ngọt</i>); chăm sóc và bảo vệ động vật, cây xanh (<i>Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật</i>)</p> <p>Bài 9. Truyện: Biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với mọi người, có suy nghĩ và việc</p>	<p>đình thương yêu: Yêu thương, quan tâm đến những người trong gia đình (<i>Những cánh bướm; Mây và sóng</i>)</p> <p>Bài 8: Những góc nhìn cuộc sống: Bồi dưỡng lòng nhân ái, thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người (<i>Học thầy, học bạn; Bàn về nhân vật Thánh Gióng</i>)</p> <p>Bài 9: Nuôi dưỡng tâm hồn: Biết yêu con người, yêu cái đẹp (<i>Lặng quả thông; Con muốn làm một cái cây</i>)</p> <p>Bài 10: Mẹ thiên nhiên: yêu quý, trân trọng thiên nhiên, tạo vật và sự sống của</p>	<p>con người và sự sống (<i>Cây khế</i>); trung thực, khiêm tốn (<i>Thạch Sanh</i>)</p> <p>Bài 8. Khác biệt và gần gũi: Sống trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân (<i>Xem người ta kìa</i>); có ý thức trách nhiệm với cộng đồng (<i>Tiếng cười không muốn nghe</i>)</p> <p>Bài 9. Trái đất, ngôi nhà chung: Yêu quý sự sống của muôn loài, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên rái đất (<i>Trái đất cái nôi của sự sống</i>)</p> <p>Bài 10: Cuốn sách tôi yêu: Yêu thích đọc sách, có ý thức giữ gìn sách</p>
--	--	--	--	--

		<p>làm nhân hậu, bao dung (<i>Bức tranh của em gái tôi; Điều không tính trước</i>)</p> <p>Bài 11: Văn bản thông tin: Trung thực và có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện (<i>Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng</i>).</p>	<p>muôn loài (<i>Lễ cúng thần lúa của người Chơ-ro; Trái đất mẹ của muôn loài</i>)</p> <p>Bài 11: Bạn sẽ giải quyết việc này như thế nào?: Quan tâm, yêu thương người khác, tự rút ra bài học và kỹ năng giải quyết các tình huống trong thực tiễn.</p>	
2	<p>Viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. - Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm: nêu được vấn đề và suy nghĩ 	<p>Bài 3: Suy nghĩ, cảm xúc, bài học cho bản thân rút ra từ trải nghiệm.</p>	<p>Bài 9: Trải nghiệm có ý nghĩa đối với đời sống tâm hồn mình: Yêu quê hương, đất nước qua một chuyến đi; cảm nhận lòng tốt của những người xung quanh qua một câu chuyện cụ thể.</p>	<p>Bài 1: Thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, bài học về một trải nghiệm đã trải qua.</p>

	của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.			
3	Nói và nghe: - Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.	Bài 3: Thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân đối với những trải nghiệm đã qua.	Bài 4, 9: Thể hiện cảm xúc yêu thương, biết ơn, chia sẻ, rút ra bài học cho bản thân đối với những trải nghiệm mà mình đã trải qua.	Bài 1: Thể hiện cảm xúc, tình cảm của bản thân với trải nghiệm được trình bày. Bài 2: cảm nhận được ý nghĩa của gia đình đối với tất cả mọi người.

2.2. Lớp 7

TT	Yêu cầu cần đạt	Gợi ý nội dung tích hợp		
		Bộ Cánh diều	Bộ Chân trời sáng tạo	Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống
1	Đọc hiểu: - VBVBH: + Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học. + Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với	Bài 1: Truyện ngắn và tiểu thuyết: Cảm thông, chia sẻ với người khác và những cảnh ngộ éo le trong cuộc sống (<i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i>); ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước	Bài 1: Tiếng nói của vạn vật: Yêu vẻ đẹp của thiên nhiên Bài 2: Bài học cuộc sống: Yêu thương bạn bè, người thân, biết ứng xử đúng mực, nhân văn Bài 7: Thơ: Trân trọng tình cảm cha con, mẹ con	Bài 2: Khúc nhạc tâm hồn: Trân trọng, vun đắp tình yêu người, thiên nhiên, quê hương, đất nước Bài 4. Giai điệu đất nước: yêu mến, tự hào về đẹp của quê hương đất nước. Bài 6: Bài học cuộc sống: Có đức tính khiêm tốn, kiên trì, nhân

	<p>thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.</p> <p>- VBNL: Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.</p> <p>- VBTT: Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.</p>	<p>(<i>Buổi học cuối cùng</i>).</p> <p>Bài 2: Thơ bốn chữ, năm chữ: Yêu thương người thân trong gia đình (<i>Mẹ</i>); trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc (<i>Ông Đồ</i>)</p> <p>Bài 3: Truyện khoa học viễn tưởng: Trân trọng những ý tưởng khoa học (<i>Chát làm gì</i>); dũng cảm, yêu thiên nhiên, sáng tạo (<i>Bạch tuộc</i>)</p> <p>Bài 5: Văn bản thông tin: yêu quý, trân trọng cảnh vật, con người và truyền thống văn hóa của dân tộc (<i>Ca Huế</i>).</p> <p>Bài 6: Truyện ngụ ngôn và tục ngữ: Có lối sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn,</p>	<p>sâu nặng, xúc động</p> <p>Bài 8: Nghị luận xã hội: Tự hào về truyền thống yêu nước, có lối sống giản dị, khiêm nhường và biết ơn những thế hệ cha anh đã hy sinh vì tổ quốc.</p>	<p>nghĩa, có trách nhiệm (<i>Éch ngòi đày giếng</i>).</p> <p>Bài 8: Trải nghiệm để trưởng thành: có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng (<i>Bản đồ dẫn đường</i>).</p>
--	---	---	--	---

		<p>ham học hỏi, dám chịu trách nhiệm (<i>Éch ngôi đáý giếng, Đẽo cày giữa đưòng</i>)</p> <p>Bài 7: Thơ: Trân trọng tình cảm cha con, mẹ con (<i>Những cach buồm, Mây và sóng</i>).</p> <p>Bài 8: Nghị luận xã hội: Có lối sống giản dị, khiêm nhường (<i>Đức tính giản dị của Bác Hồ</i>)</p> <p>Bài 10: Văn bản thông tin: Tôn trọng và thực hiện các quy định về an toàn giao thông (<i>Tổng kiểm soát phương tiện giao thông</i>).</p>		
2	<p>Viết: Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết;</p>	<p>Bài 1: Thể hiện lòng biết ơn, trân trọng đối với một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.</p>	<p>Bài 8: Thể hiện ý kiến cá nhân (tán thành hoặc phản đối) với những vấn đề: sống giản dị, yêu tiếng mẹ đẻ, uống nước nhớ nguồn.</p>	<p>Bài 3: Thể hiện quan điểm, tình cảm về một vấn đề đời sống được rút ra từ một nhân vật văn học.</p>

	đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.			
3	<p>Nói và nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe. - Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. 	<p>Bài 1: Đưa ra ý kiến cá nhân về các vấn đề trong cuộc sống: lòng vị tha, biết ơn, dũng cảm.</p>	<p>Bài 8: Bày tỏ quan điểm rõ ràng; tôn trọng ý kiến của người khác.</p>	<p>Bài 4: thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, bài học về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.</p>

IV. Một số hình thức giáo dục đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn

1. Hình thức tích hợp toàn phần

Ở hình thức này, nội dung bài học trùng với nội dung giáo dục đạo đức, lối sống cho HS. Các bài học này là điều kiện tốt nhất để nội dung tích hợp phát huy tác dụng đối với HS. Chẳng hạn, văn bản *Khan hiếm nước ngọt*, nội dung cả bài học nhằm giáo dục ý thức tiết kiệm nước, bảo vệ môi trường cho HS. Hoặc khi dạy văn bản *À ơi tay mẹ*, *Về với mẹ* nhằm giáo dục tình cảm yêu thương của mẹ đối với con, của con đối với mẹ....; Hoặc khi HS viết nghị luận về một vấn đề xã hội, GV có thể đưa ra yêu cầu HS thể hiện suy nghĩ, quan điểm của mình trước một vấn đề trong đời sống; Hoặc có thể, tập hợp những văn bản nói về người lính đã học trong chương trình, xây dựng thành một chủ đề, đặt tên là “Dấu chân người lính” nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng lối sống nhân ái, ý thức kỉ luật, tự giác, trách nhiệm với cộng đồng.

2. Hình thức tích hợp bộ phận

Ở hình thức này, nội dung giáo dục ĐĐLS chỉ tích hợp vào một phần của bài học (một nội dung hoặc một hoạt động của bài học). Ví dụ, khi dạy văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, hoạt động phân tích hành động ngông cuồng của Dế mèn dẫn đến hậu quả như thế nào và bài học Dế mèn phải chịu. Đó chính là bài

học về sự công bằng, coi thường người khác và từ đó ân hận về những việc làm không đúng. Hoặc văn bản *Ông lão đánh cá và con cá vàng*, hành động tham lam vô độ của bà vợ ông lão cuối cùng phải chịu kết cục thảm hại. Từ đó giáo dục lối sống trung thực, không tham lam, bội bạc.

3. Hình thức liên hệ nội dung tích hợp

Ở hình thức này nội dung giáo dục ĐĐLS được tích hợp bằng cách liên hệ giữa những vấn đề đặt ra trong bài học với những vấn đề thuộc nội dung tích hợp. Ví dụ, sau khi học xong văn bản *Cô bé bán diêm*, GV yêu cầu HS từ nội dung đã học liên hệ với cách ứng xử trong cuộc sống, đó là luôn đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

Nội dung tích hợp có thể đến với HS bằng nhiều cách, tùy theo sở trường của người dạy, đặc điểm bài học và tâm lý tiếp nhận của HS. Tuy nhiên, dù theo cách nào, GV luôn phải hướng dẫn HS liên hệ, mở rộng kiến thức về nội dung tích hợp một cách thật tự nhiên, hài hòa, đúng mực, tránh lan man, gượng ép, không phù hợp với đặc trưng của môn học.

V. Một số phương pháp dạy học tích cực để giáo dục đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn

Hiện nay, nhiều phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực đã được áp dụng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp như dạy học theo dự án, dạy học theo góc,... Tuy nhiên, để nội dung tích hợp được truyền tải một cách tự nhiên đến HS, người dạy có thể tập trung vào những phương pháp chính bao gồm: thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học giải quyết vấn đề. Nếu sử dụng tốt các phương pháp này, HS không chỉ chiếm lĩnh, vận dụng tốt kiến thức mà còn có thể được bộc lộ quan điểm, tư tưởng của mình; góp phần hình thành phong cách, lối sống, định hình tư tưởng, lý tưởng sống.

1. Thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là phương pháp góp phần quan trọng hình thành và phát triển năng lực hợp tác; giúp HS tự tin hơn trong các mối quan hệ xã hội. Trong thảo luận nhóm, mọi cá nhân được tự do bày tỏ quan điểm, tạo thói quen biết đón nhận quan điểm bất đồng, hình thành quan điểm cá nhân giúp HS rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề khó khăn. Thông qua thảo luận nhóm, người dạy có thể tích hợp cho HS tinh thần đoàn kết, hợp tác, ý thức tôn trọng sự khác biệt về quan niệm của mỗi người trên cơ sở những chuẩn mực chung về ĐĐLS.

Thảo luận nhóm được tiến hành theo các hình thức: nhóm nhỏ (cặp đôi, cặp 3) nhóm trung bình (4 đến 6 HS) hoặc nhóm lớn (8 -10 HS trở lên). Trong điều kiện lớp học hiện nay, HS thường được chia thành từng nhóm từ 4 đến 6 thành viên. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của tiết học, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau.

Với môn học Ngữ văn, thảo luận nhóm được tiến hành khi tổ chức chiếm lĩnh những nội dung học tập phức hợp, yêu cầu có sự chia sẻ, hợp tác để cùng giải quyết nội dung học tập. Ở các bài đọc hiểu văn bản, thảo luận nhóm được thực hiện khi cần tìm hiểu sâu về mạch nội dung, nghệ thuật hay những giá trị của văn bản. Ví dụ, dạy đọc hiểu truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, có

thể cho HS thảo luận vấn đề tích hợp giáo dục ĐĐLS như: “Nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm chấp nhận một mình sống trên núi cao để cống hiến tâm sức cho đất nước. Trong điều kiện hiện nay, khi phải vươn ra thế giới để trở thành công dân toàn cầu, cách tìm đến một cuộc sống lặng lẽ như anh thanh niên có còn phù hợp không? Vì sao?”; “Điều gì đáng học tập nhất ở anh thanh niên?”. Ở các bài dạy Tiếng Việt thực hành, thảo luận nhóm được thực hiện khi phân tích một tình huống, giải quyết các bài tập thực tiễn. Ví dụ, phân tích tác dụng các phương tiện ngôn ngữ trong một ngữ cảnh giao tiếp cụ thể. Ở các bài dạy về kỹ năng viết, nói, nghe, thảo luận nhóm được thực hiện khi xây dựng hệ thống ý cho một vấn đề cần triển khai, tổ chức các hoạt động luyện tập thực hành liên quan đến tạo lập các kiểu loại văn bản,... Ví dụ, xây dựng dàn ý cho đề bài làm văn nghị luận “Theo em, hoàn cảnh gia đình có quyết định sự thành đạt của một người hay không?”; “hoàn cảnh gia đình có ảnh hưởng đến điều kiện để thể hiện trách nhiệm với cộng đồng hay không?”....

Để tổ chức một hoạt động dạy học theo hình thức thảo luận nhóm gắn với tích hợp giáo dục ĐĐLS, cần tiến hành các bước như sau:

- *Bước chuẩn bị (giao nhiệm vụ)*: chuẩn bị là việc xác định nội dung thảo luận, câu hỏi / nhiệm vụ học tập; yêu cầu hình thức trình bày, thời gian cho thảo luận. Nội dung thảo luận nhóm thường là những câu hỏi/bài tập gắn với những tình huống có vấn đề trong dạy học. Để giải quyết, cần huy động sự suy nghĩ, chia sẻ của nhiều thành viên. Các câu hỏi / nhiệm vụ học tập trong thảo luận nhóm không được quá dễ, phải là câu hỏi / nhiệm vụ đòi hỏi phải tư duy và có ít nhất một phương án giải quyết. Ví dụ, để tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng khi dạy đọc hiểu bài thơ *Đồng dao mùa xuân* của Nguyễn Khoa Điềm, có thể nêu câu hỏi: Bài thơ viết về sự hi sinh của người lính với mục đích gì? Theo em, mỗi người trẻ cần phải sống như thế nào để sự hi sinh ấy không trở nên vô ích?

- *Quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ*: trong quá trình các nhóm thảo luận, GV quan sát, điều chỉnh chỗ ngồi, hỗ trợ khi phát hiện HS gặp khó khăn. Mỗi thành viên trong nhóm đều được tham gia bàn luận, được lắng nghe và tôn trọng, tránh để xảy ra tranh cãi căng thẳng; thời gian thực hiện nhiệm vụ học tập phải phù hợp với khả năng làm việc của HS và yêu cầu của nhiệm vụ. Khi quan sát, nếu thấy một hoặc một số thành viên trong nhóm có biểu hiện khó khăn khi tiếp nhận nhiệm vụ, GV cần hướng dẫn những thành viên đã hiểu giải thích, hỗ trợ. Nếu một trong số các nhóm đã hoàn thành trước, có thể đề nghị thành viên trong nhóm hỗ trợ các nhóm khác hoặc giao thêm nhiệm vụ cho nhóm. Thông qua sự phối hợp hỗ trợ lẫn nhau, GV có thể tích hợp, giúp HS nhận ra vai trò của sự đoàn kết, cộng tác; hình thành ý thức chia sẻ, hợp tác, tinh thần đoàn kết theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- *Trình bày, báo cáo kết quả*: Khi các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ, GV hoặc một HS được giao nhiệm vụ tổ chức thảo luận chỉ định các nhóm báo cáo kết quả. Cần lưu ý, có thể yêu cầu bất cứ cá nhân nào trong một nhóm trình bày hoặc để nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận nhưng đó phải là kết quả chung của cả nhóm. Tránh tình trạng, sau thảo luận nhóm, mỗi cá nhân trình bày ý kiến của riêng mình. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là các cá nhân chỉ được quyền đại diện nhóm mà không được bày tỏ ý kiến của riêng mình. Để phát huy

tiềm năng cá nhân, GV có thể cho HS bổ sung ý kiến cá nhân sau khi đã trình bày kết quả thảo luận của cả nhóm. Tiếp đó dành một khoảng thời gian cho các nhóm nhận xét, trao đổi, phản biện. Thông qua đó, góp phần hình thành cho HS những kỹ năng phản biện và tư duy phản biện.

- *Nhận xét, đánh giá*: Sau khi các nhóm đã trình bày xong kết quả, GV nhận xét, chốt kiến thức và mở ra những hướng suy nghĩ tiếp theo đối với HS. Trong trường hợp, với những câu hỏi / nhiệm vụ học tập mang tính mở, các ý kiến có thể không giống nhau. Khi ấy vai trò GV là định hướng cho HS suy nghĩ và nhìn nhận đánh giá vấn đề từ nhiều góc độ. Để nội dung tích hợp được thực hiện một cách tự nhiên, trước khi nghĩ đến một câu hỏi / nhiệm vụ học tập tích hợp, GV cần lưu ý sự nối kết dễ dàng giữa kiến thức bài học và nội dung tích hợp phải đảm bảo tính vừa sức. Khi giao nhiệm vụ, phải chắc chắn rằng 100% HS hiểu được nhiệm vụ (HS biết mình phải làm gì, làm việc với học liệu nào, cách làm ra sao, sản phẩm là gì và báo cáo kết quả như thế nào), khuyến khích HS nêu những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình HS thảo luận, trình bày ý kiến, cần chú ý tập trung phát triển các kỹ năng mà HS còn hạn chế như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng trình bày ý tưởng,... GV cũng nên lưu ý phân chia nhóm HS theo năng lực để các em có thể phát huy được tối đa tính sáng tạo. Sau khi HS thảo luận nhóm, GV cần chốt lại một cách ngắn gọn và rõ ràng những ý chính của nhiệm vụ, nội dung trên cơ sở tôn trọng ý kiến của HS; tránh phê phán hoặc chỉ trích khi HS đưa ra câu trả lời sai hoặc những quan điểm sai lầm mà cần đặt các câu hỏi dẫn dắt để các em tự nhận ra sai lầm hoặc phiến diện. Nhận xét đánh giá là khâu quan trọng để GV lồng ghép những nội dung tích hợp và là khâu để HS nhận ra sự kết nối giữa những vấn đề trong bài học và thực tiễn cuộc sống.

2. Phương pháp đóng vai

Đóng vai không phải là phương pháp sử dụng hiệu quả để lồng ghép nội dung tích hợp. Vì qua những trải nghiệm cụ thể (bằng tưởng tượng, hóa thân), HS có thể nhận thức vấn đề từ suy nghĩ của người trong cuộc và nội dung bài học sẽ tác động trực tiếp đến quan niệm, lý tưởng sống của HS. Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành để trình bày những suy nghĩ, cảm nhận và ứng xử theo một “vai giả định”. Ví dụ, khi dạy truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, có thể yêu cầu HS tưởng tượng kể lại đoạn miêu tả sự kiện bé Thu nhận cha trước khi chia với cha tay bằng ngôn ngữ của nhân vật này (người kể chuyện – bé Thu xưng “tôi”). Hoặc khi dạy truyện ngắn *Làng* của Kim Lân, GV yêu cầu HS đóng vai ông Hai diễn cảnh ông nghe tin làng theo Tây từ những người tản cư.

Đây là phương pháp dạy học có thể được sử dụng cho tất cả các kỹ năng đọc - viết - nghe - nói gồm: nhập vai một nhân vật kể lại câu chuyện đã học (nói hoặc viết); chuyển thể một văn bản văn học thành kịch bản sân khấu và tổ chức diễn xuất; xử lý một tình huống giao tiếp giả định; trình bày một vấn đề, một ý kiến từ các góc nhìn của người trong cuộc,... Phương pháp đóng vai có thể được thực hiện ở mức đơn giản như kể lại câu chuyện, thuật lại một sự kiện trong một tác phẩm bằng lời của một nhân vật (người trong cuộc). Ví dụ, hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện về “tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa” trong bài thơ *Bếp*

lừa của Bằng Việt bằng ngôn ngữ của người bà”. Có thể được thực hiện ở mức cao hơn theo hình thức sân khấu hóa.

Phương pháp đóng vai giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề từ góc nhìn của người trong cuộc, tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được từ vai của mình. Mỗi vai diễn đều có thể gây hứng thú để HS bộc lộ cảm xúc, hình thành các kỹ năng. Khi nhập vào vai diễn, HS không chỉ được trải nghiệm mà còn phát triển khả năng sáng tạo; thái độ, hành vi được thay đổi theo hướng tích cực từ lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

Tuy nhiên, phương pháp này đòi hỏi sự chuẩn bị chu đáo, công phu (trừ một số tình huống không gắn với yêu cầu sân khấu hóa), HS cần dành nhiều thời gian để tạo ra kịch bản và những vai diễn có chất lượng.

Trong trường hợp một nhiệm vụ học tập đòi hỏi từ hai vai diễn trở lên, được tổ chức tại lớp học, GV có thể tiến hành theo các bước cơ bản sau:

(1) Xác định nội dung tích hợp giáo dục ĐĐLS được lồng ghép qua nội dung diễn xuất.

(2) Nêu chủ đề, yêu cầu của nhiệm vụ / chia nhóm và yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó có quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm. Trước khi diễn xuất, GV yêu cầu những HS khác quan sát và nhận xét cảnh diễn xuất, vai diễn theo một tiêu chí nào đó. HS thảo luận chuẩn bị đóng vai: phân vai, dàn cảnh, cách thể hiện nhân vật, diễn thử.

(3) HS nhập vai và diễn xuất.

(4) Thảo luận, nhận xét sau khi vai diễn kết thúc: thông thường việc thảo luận bắt đầu về cách ứng xử của các nhân vật cụ thể (phù hợp hay chưa phù hợp, nêu cụ thể chỗ chưa phù hợp) hoặc tình huống trong vở diễn, vai diễn nhưng để đạt hiệu quả cao về phát triển tư duy và chất lượng, hiệu quả tích hợp, phạm vi thảo luận sẽ mở rộng ra những vấn đề về tư tưởng, phong cách, lối sống, lý tưởng mà HS có thể chịu tác động qua phần diễn xuất. GV kết luận, giúp HS rút ra bài học cho bản thân.

Để thực hiện phương pháp đóng vai đạt hiệu quả tốt, người dạy cần lựa chọn tình huống đóng vai phải phù hợp với nội dung tích hợp, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS và điều kiện, hoàn cảnh lớp học. Khác với nghệ thuật biểu diễn (cần có kịch bản), để phát huy tính sáng tạo của HS, khi yêu cầu đóng vai, tình huống nên hoặc có thể để mở, không cho trước “kịch bản”, lời thoại. Phải dành thời gian phù hợp cho các nhóm chuẩn bị đóng vai. Người đóng vai phải hiểu rõ vai của mình trong tình huống của bài tập đóng vai để không lạc đề. Nên khích lệ, ưu tiên những học nhút nhát tham gia. Trong những điều kiện cho phép, có thể dùng đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai.

Lưu ý khi phân vai phải chú ý đến những HS có hoàn cảnh đặc biệt. Ví dụ, những HS mồ côi, phải xa cha mẹ, tâm lý không ổn định thì không nên phân đóng những vai bị mất mát về tình cảm.

3. Dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề là phương pháp thuận lợi để tích hợp giáo dục ĐĐLS trong môn học Ngữ văn. Vì thông thường để giải quyết một vấn đề trong môn học này, người học phải vận dụng tổng hợp những kiến thức từ nhiều ngành khoa học và nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ. Đồng thời mỗi vấn đề sau khi được giải quyết sẽ góp phần hình thành thế giới quan của HS. Bản chất của dạy học giải

quyết vấn đề là đặt ra trước HS một hệ thống các vấn đề nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết; giữa những mục tiêu muốn đạt được và điều kiện để đạt mục tiêu; chuyển HS vào tình huống có vấn đề, kích thích HS tự giác, có nhu cầu mong muốn giải quyết vấn đề; thúc đẩy HS tích cực chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức một cách chủ động.

Dạy học giải quyết vấn đề có nhiều lợi thế phát triển năng lực của HS, phát huy tính tích cực, tự giác, giúp HS biết phát hiện ra vấn đề, tự mình hoặc tìm kiếm người hỗ trợ để giải quyết vấn đề. Muốn vậy, HS phải phát huy được các năng lực giao tiếp, hợp tác; đưa ra quan điểm, ý kiến riêng, đề xuất được các ý tưởng mới. Từ đó, GV lồng ghép những nội dung tích hợp phù hợp. Trong môn Ngữ văn, dạy học giải quyết vấn đề có thể được tiến hành theo các bước sau:

- *Bước 1, phát hiện vấn đề*: Trong bước đầu tiên này, GV cần đặt những câu hỏi dẫn dắt HS phát hiện vấn đề trong một tình huống cụ thể. Để tạo hứng thú khám phá, vấn đề đặt ra phải chứa đựng mâu thuẫn nhận thức, đòi hỏi các em phải tư duy. Nếu HS chỉ dùng những kiến thức đã có sẽ không giải quyết được.

Ví dụ, có thể nêu tình huống:

Bàn về vai trò của người thầy, tục ngữ có câu “không thầy đố mày làm nên”. Tuy nhiên, tục ngữ cũng có câu “học thầy không tày học bạn”. Em có suy nghĩ gì về hai câu tục ngữ này?

Với tình huống này, HS sẽ phải phát hiện ra những lời lẽ có phần mâu thuẫn và vấn đề cần giải quyết sẽ là: Hai câu tục ngữ này có mâu thuẫn không? Nếu có thì câu nào đúng hơn? Nếu không mâu thuẫn thì tại sao cách diễn đạt lại có vẻ trái ngược nhau?....

- *Bước 2, giải quyết vấn đề*: Sau khi phát hiện và nêu vấn đề cần giải quyết, GV cần tổ chức hướng dẫn HS giải quyết vấn đề, gồm các khâu: phân tích vấn đề (làm rõ mối quan hệ giữa cái đã biết và chưa biết; những kiến thức, kỹ năng mang tính công cụ còn thiếu để giải quyết vấn đề); đề xuất hoặc tìm kiếm các giải pháp giải quyết vấn đề; lập kế hoạch giải quyết vấn đề; thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề.

- *Bước 3, trình bày, báo cáo kết quả giải quyết vấn đề*: Sau quá trình thực hiện giải quyết vấn đề, HS đã có được kết quả kiểm chứng các giả thuyết đã nêu, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhằm đưa ra các lý lẽ và bằng chứng khẳng định hay bác bỏ giả thuyết đã nêu, tìm được giả thuyết đúng và đề xuất vấn đề mới từ vấn đề đã được giải quyết trong văn bản.

- *Bước 4, GV kết luận và định hướng, lồng ghép nội dung tích hợp* sau khi HS đã trình bày, thảo luận về kết quả. Chẳng hạn, sau khi tìm kiếm lời giải cho mối quan hệ giữa hai câu tục ngữ “không thầy đố mày làm nên” và “học thầy không tày học bạn”, GV có thể dẫn dắt, tích hợp giáo dục HS tinh thần say mê học tập, tìm phương pháp học tập hiệu quả cao nhất, cố gắng trong lao động, rèn luyện (một trong những nội dung giáo dục ĐĐLS)

Trong dạy học giải quyết vấn đề, người dạy có thể nêu vấn đề ở các mức sau, tùy thực tế đối tượng và điều kiện dạy học:

- *Mức độ 1: thuyết trình, diễn giảng nêu vấn đề*. Đây là mức thấp nhất của dạy học giải quyết vấn đề. GV gần như làm hết các khâu từ nêu vấn đề đến giải quyết vấn đề. Người học chỉ tham gia vào quá trình giải quyết vấn đề một cách

gián tiếp, chủ yếu ở tư cách người quan sát, lắng nghe, theo dõi. Vai trò người học ở đây thiếu sự chủ động, tích cực.

- Mức độ 2: Sau khi hướng dẫn HS phát hiện và giải quyết tình huống có vấn đề, GV xây dựng hệ thống câu hỏi để người HS nghĩ, giải đáp và giải quyết vấn đề (phương pháp đàm thoại nêu vấn đề) hoặc chia nhỏ vấn đề thành những nhiệm vụ nhỏ, vừa sức để HS tự mình giải quyết.

- Mức độ 3: HS được trao quyền chủ động, tình huống có vấn đề do người dạy và người học cùng tạo ra. Quá trình giải quyết vấn đề là do HS độc lập thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV. Mức độ này được xem là mức độ cao nhất của dạy học giải quyết vấn đề, phát huy tối đa sự chủ động, sáng tạo của người học.

Ngoài các phương pháp trên, GV có thể sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác như phương pháp đàm thoại, phương pháp trò chơi, dạy học theo dự án,... tuy nhiên dù sử dụng phương pháp nào, GV đều cần xác định rõ địa chỉ tích hợp và cách thức để HS nhận thức được những nội dung tích hợp một cách tự nhiên, thấu đáo.

VI. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn

Trên cơ sở xác định các nội dung và địa chỉ tích hợp giáo dục ĐĐLS cho HS trong môn Ngữ văn THCS, GV đề xuất chủ đề tích hợp theo các cấp độ (tích hợp từng phần - tích hợp toàn phần - tích hợp liên hệ). Từ đó, xác định tích hợp theo ba hướng:

(1) Tích hợp trong bài học cụ thể.

(2) Tích hợp theo chủ đề.

(2) Tích hợp trong chủ đề định kì của năm học (các ngày lễ, các dịp kỉ niệm hoặc các chuyên đề học tập theo năm...).

Với mỗi hướng, GV sẽ xác định quy trình tiến hành xây dựng thiết kế kế hoạch dạy học phù hợp.

1. Tích hợp trong bài học cụ thể

Theo hướng này, GV thực hiện tích hợp giáo dục ĐĐLS cho HS THCS trong các bài học cụ thể theo Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018; nội dung giáo dục ĐĐLS được đan xen trong các kĩ năng đọc - viết - nói - nghe trong những điều kiện có thể. Kế hoạch bài dạy chính là phân chuẩn bị dạy chính khoá của GV và có thể được thiết kế theo Công văn số 5512/BGDĐT - GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT:

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/Hoạt động giáo dục:; lớp:.....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

2. Về năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu HS làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

3. Về phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

Ở mục tiêu này, cần nêu rõ nội dung tích hợp, giáo dục cho HS những phẩm chất lối sống hay lý tưởng nào, biểu hiện cụ thể ra sao.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà HS phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà HS phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của HS làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ học tập mà HS cần viết ra, trình bày được.

d) **Tổ chức thực hiện:** Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của HS.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho HS thực hiện.

c) Sản phẩm: *Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.*

d) Tổ chức thực hiện: *Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.*

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).*

b) Nội dung: *Mô tả rõ yêu cầu HS phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.*

c) Sản phẩm: *Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.*

d) Tổ chức thực hiện: *Giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của GV.*

Ghi chú:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để HS thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho HS thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HS mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của GV: GV giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; HS thực hiện/đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/.

3. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho HS về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho HS tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của HS theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

4. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- **Giao nhiệm vụ học tập:** Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HS (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HS đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- **Thực hiện nhiệm vụ** (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HS có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- **Báo cáo, thảo luận** (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm HS báo cáo và cách thức

tổ chức cho HS báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của GV).

- **Kết luận, nhận định:** Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để HS ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà HS phải thực hiện tiếp theo./

Với hình thức tích hợp trong bài học cụ thể, GV có thể tiến hành thiết kế kế hoạch bài dạy theo các bước sau:

Bước 1. Lựa chọn nội dung dạy học

Việc lựa chọn nội dung dạy học được tiến hành khi GV cụ thể hóa yêu cầu cần đạt của bài học. Nội dung bài học là khối lượng kiến thức mà HS cần phải chiếm lĩnh cũng như các kỹ năng mà học sinh cần phải hình thành qua bài học. Dựa trên việc xác định yêu cầu cần đạt của bài học được quy định trong chương trình môn học, GV tham khảo sách giáo khoa để lựa chọn sắp xếp nội dung bài dạy sao cho phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS. Việc lựa chọn nội dung dạy học là trả lời câu hỏi: bài học này sẽ dạy cho HS những đơn vị kiến thức / kỹ năng nào?”. Sau khi đã xác định được những đơn vị kiến thức / kỹ năng của bài học, GV sắp xếp các đơn vị kiến thức, kỹ năng đó thành một cấu trúc hợp lý. Cấu trúc một bài học thực hành Tiếng Việt gồm phần kiến thức mới và phần luyện tập, củng cố. Trong dạy đọc hiểu, nội dung dạy học là giá trị của văn bản và những kỹ năng khám phá các giá trị ấy. Chẳng hạn, để dạy đọc hiểu bài thơ *Cánh khuya* của Hồ Chí Minh, người dạy có thể lựa chọn khai thác đặc điểm của bức tranh thiên nhiên, tâm tư của nhân vật trữ tình, đặc điểm ngôn từ của bài thơ; thông qua đó, hình thành và phát triển kỹ năng đọc hiểu thơ tuyệt cú dựa trên đặc trưng thể loại. Nghĩa là nội dung dạy học sẽ là giá trị của tác phẩm và các kỹ năng cần hình thành cho HS. Nội dung dạy học cần đảm bảo nguyên tắc nhất quán với mục tiêu của Chương trình, thực hiện một mục tiêu nào đó của Chương trình.

Bước 2. Lựa chọn nội dung tích hợp

Nội dung tích hợp là những biểu hiện cụ thể của việc giáo dục ĐĐLS được đan cài, lồng ghép trong bài học và phải đảm bảo không làm biến dạng bài học thành giờ thuyết giảng về đạo đức. Ví dụ, khi dạy đọc hiểu bài thơ *Cánh khuya*, có thể tích hợp giáo dục HS tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên hoặc giáo dục HS biết kính trọng, nhớ ơn đối với lãnh tụ, học tập theo tấm gương quên mình vì nước của Bác và khơi dậy khát vọng cống hiến trí lực cho đất nước.

Bước 3. Xác định địa chỉ tích hợp trong bài học

Để lồng ghép tích hợp trong bài học, người dạy có thể thực hiện một trong hai cách: hoặc là dùng những tri thức liên quan đến nội dung giáo dục ĐĐLS để khai thác nội dung bài học hoặc là từ nội dung bài học, liên hệ làm nổi bật những vấn đề ĐĐLS cần hình thành cho HS. Thông thường, cách thứ hai dễ đạt hiệu quả giáo dục hơn vì HS xuất phát từ những hứng thú thẩm mỹ, những ấn tượng sâu sắc từ bài học để hình thành những giá trị đạo đức, quan niệm, tư tưởng. Ví dụ, với bài thơ *Cánh khuya* nêu trên, nếu muốn tích hợp giáo dục tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên, GV lồng ghép nội dung tích hợp trong quá trình

hướng dẫn HS đọc hiểu hai câu thơ đầu vì hai câu này miêu tả cảnh đẹp thiên nhiên. Nhưng nếu muốn tích hợp khơi gợi, hình thành cho HS khát vọng cống hiến tài trí xây dựng đất nước thì nên tích hợp ở cuối bài học vì đến hai câu cuối, nỗi lo lắng cho vận nước của nhân vật trữ tình mới bộc lộ.

Bước 4. Xác định nội dung, hình thức tổ chức hoạt động học để hướng dẫn HS liên hệ, chiếm lĩnh nội dung tích hợp

Hình thức phổ biến trong hoạt động chiếm lĩnh nội dung này là sự liên tưởng, liên hệ từ nội dung bài học đến vấn đề được tích hợp. Chẳng hạn, với bài thơ *Cảnh khuya* có thể thực hiện tích hợp bằng hai câu hỏi: Bài thơ giúp em hiểu gì về tâm tư, tình cảm của Bác với “nước nhà”?; Theo em, điều gì đáng học tập nhất ở Bác qua bài thơ này?... Với mỗi câu hỏi này, GV có thể tổ chức thành những hoạt động trao đổi, thảo luận đề định hướng, hình thành tư tưởng, lý tưởng sống cho HS.

2. Thiết kế chủ đề giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Chủ đề tích hợp giáo dục ĐĐLS là chủ đề bao gồm các bài học cùng nhất quán, tập trung vào một nội dung giáo dục nào đó. Thông thường nội dung chủ đề được thể hiện ngay ở cách đặt tên chủ đề. Ví dụ nội dung giáo dục tình cảm tri ân với tổ tiên có thể được đặt tên chủ đề là “Uống nước, nhớ nguồn”. Chủ đề này bao hàm những bài học tập trung vào tình cảm tri ân gồm: đọc hiểu truyền thuyết *Lạc Long Quân và Âu Cơ*, đọc hiểu tác phẩm Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh; nói và nghe – thảo luận về ý nghĩa của đạo lý “uống nước nhớ nguồn” với thế hệ trẻ ngày nay; thực hành kỹ năng viết theo chủ đề “Tín ngưỡng thờ cúng người có công – có phải là hiện tượng mê tín dị đoan?”.

Để thực hiện thiết kế chủ đề tích hợp giáo dục ĐĐLS, có thể thực hiện theo các bước sau:

Bước 1. Xác định mục tiêu

Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung tích hợp) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

Bước 2. Lựa chọn nội dung và địa chỉ tích hợp

GV cần lưu ý chọn những kiến thức, kỹ năng phù hợp. GV cần căn cứ vào kiến thức trong chương trình môn Ngữ văn và tình hình thực tiễn để lựa chọn nội dung tích hợp phù hợp với độ tuổi, nhận thức, khả năng tiếp thu, mức độ hữu ích của chủ đề đối với người học. Nội dung chủ đề cần nhất quán đáp ứng hai yêu cầu: yêu cầu cần đạt của Chương trình môn học và yêu cầu về nội dung tích hợp. Ví dụ, với chủ đề “Uống nước nhớ nguồn” nêu trên, mỗi bài học cụ thể bên cạnh việc hình thành những kỹ năng tương ứng cần tập trung làm nổi bật công lao, những đóng góp của cha ông với sự trường tồn của đất nước, từ đó hình thành sự tiếp nối trách nhiệm của thế hệ sau.

Bước 3. Đặt tên chủ đề và lựa chọn thời lượng thực hiện

GV xác định chủ đề, thời gian thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, đối tượng HS và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chẳng hạn khi dạy về chủ đề *Thơ văn Nguyễn Trãi*, GV có thể đề xuất nội dung giáo dục ĐĐLS với những nội dung sau: *Thơ văn Nguyễn Trãi và lòng tự hào dân tộc; Lòng yêu nước; Đất nước tình yêu; Em yêu văn học dân tộc; Truyền thống yêu nước của người Việt Nam; Thế*

hệ trẻ và truyền thống yêu nước; Uống nước nhớ nguồn... Từ đó, xác định thời gian phù hợp, có thể trong quá trình học với thời lượng phù hợp từ 1-2 tiết.

Bước 4. Xây dựng tiến trình dạy học theo chủ đề và các hình thức tổ chức dạy học

Về cơ bản, tiến trình dạy học của một chủ đề cũng được thực hiện theo 4 hoạt động như một bài học cụ thể.

Có thể hình dung mô hình kế hoạch bài học theo hướng 2, tích hợp trong từng chủ đề/bài học như sau:

TÊN BÀI/CHỦ ĐỀ (THỜI GIAN THỰC HIỆN....)
1. Lựa chọn nội dung tích hợp
2. Mục tiêu
3. Thiết bị và học liệu của GV và HS
4. Tiến trình dạy học:
- Mục tiêu
- Nội dung
- Sản phẩm
- Tổ chức thực hiện
+ Chuyển giao nhiệm vụ,
+ Thực hiện nhiệm vụ,
+ Báo cáo thảo luận
+ Kết luận

3. Xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh theo định kì năm học

Việc tích hợp giáo dục ĐĐLS có thể được thực hiện vào các dịp kỉ niệm hoặc các ngày lễ trong năm hay các chuyên đề cấp độ tích hợp toàn phần. Như vậy, cách thức thiết kế giống như thiết kế một kế hoạch hoạt động ngoại khoá hay hoạt động trải nghiệm văn học và được tổ chức trong phạm vi rộng, một khối - toàn trường với thời lượng 1- 2 giờ hoặc nhiều hơn. Mô hình kế hoạch hoạt động có thể được thiết kế như sau:

TÊN CHỦ ĐỀ
1. Lựa chọn nội dung tích hợp
2. Dự kiến thời gian tổ chức
3. Mục tiêu của chủ đề
4. Hình thức tổ chức
5. Dự kiến nội dung
Hoạt động 1
Hoạt động 2
Hoạt động 3
6. Dự trù kinh phí
7. Phân công nhiệm vụ
8. Tổng kết và hướng dẫn HS học tập
- HS chia sẻ kinh nghiệm, GV nhận xét về các hoạt động
- GV khơi gợi để HS tiếp tục tự trải nghiệm, giao bài tập cho HS hoàn thành

9. Đánh giá kết quả hoạt động

- Nội dung đánh giá: Đánh giá cá nhân, đánh giá tập thể

Hình thức đánh giá: Quan sát, phiếu tự đánh giá, phiếu hỏi, bài viết, sản phẩm hoạt động, điểm số, toạ đàm, bài tập, trình diễn,...

Quy trình: HS tự đánh giá, nhóm HS đánh giá, GV đánh giá

Việc xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp theo định kì có thể được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1. Xác định mục tiêu của chủ đề

Việc xác định mục tiêu của chủ đề dựa trên nội dung tích hợp và yêu cầu cần đạt của Chương trình môn học. Theo Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018, mục tiêu chung của môn Ngữ văn là: “Hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Ngữ văn giúp HS khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế. Góp phần giúp HS phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn Ngữ văn giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các VB thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.”. Vì vậy, mục tiêu của chủ đề tích hợp cũng cần được xác định rõ những năng lực và phẩm chất có thể hình thành và phát triển cho HS thông qua hoạt động đó.

Bước 2. Xác định nội dung và đặt tên chủ đề

Ở bước này, GV cần căn cứ vào nội dung trong chương trình môn Ngữ văn và tình hình thực tiễn để xác định chủ đề dạy học tích hợp phù hợp với độ tuổi, nhận thức, khả năng tiếp thu và mức độ hữu ích của chủ đề đối với người học. Việc lựa chọn nội dung tích hợp cũng cần căn cứ vào thời gian tổ chức. Chẳng hạn, nhân dịp kỉ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, GV có thể xây dựng nội dung tích hợp chủ đề giáo dục tình yêu nước với hệ thống các bài học về yêu nước và tinh thần dân tộc. Khi đã lựa chọn được nội dung tích hợp, GV tiến hành đặt tên chủ đề. Tên chủ đề cần ngắn gọn, lôi cuốn, tạo ra được trạng thái tâm lý tích cực của HS. Vì vậy, cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để đặt tên bài/chủ đề sao cho phù hợp và hấp dẫn. Việc đặt tên cho bài/chủ đề cần phải đảm bảo các yêu cầu: rõ ràng, chính xác, ngắn gọn; phản ánh được chủ đề và nội dung của hoạt động; tạo được ấn tượng ban đầu cho HS về nội dung giáo dục. GV cũng có thể lựa chọn chủ đề khác ngoài hoạt động đã được gợi ý trong kế hoạch của nhà trường, nhưng phải bám sát chủ đề của hoạt động và phục vụ tốt cho việc thực hiện các mục tiêu gắn với tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, ĐĐLS và khơi

dậy khát vọng cống hiến cho HS. Tên chủ đề cần bao quát được nội dung của hoạt động, ngắn gọn và có khả năng tác động vào cảm xúc của HS.

Bước 3. Dự kiến thời gian tổ chức

Trong một năm học, có rất nhiều thời điểm có thể tổ chức chuyên đề tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, ĐĐLS và khơi dậy khát vọng cống hiến cho HS. Có thể vào giữa - cuối - học kì hoặc cuối năm; có thể là nhân dịp các ngày lễ, ngày kỉ niệm như Kỉ niệm ngày Phụ nữ quốc tế 8/3; Thành lập đoàn 26/3; Sinh nhật Bác 19/5; Phụ nữ Việt Nam 20/10; Nhà giáo Việt Nam 20/11; Thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12...

Bước 4. Thiết kế các hình thức tổ chức hoạt động học

Việc thực hiện chủ đề dạy học tích hợp giáo dục ĐĐLS có thể được tổ chức theo các hình thức sau:

(+) Tổ chức các cuộc thi

Đây là hình thức phổ biến và thiết thực nhất mà ở bất kỳ lớp, trường nào cũng có thể tổ chức được. Thời điểm tổ chức có hiệu quả nhất là kết hợp với các bài ôn tập, tổng kết cuối học kỳ, cuối năm học. Từ đó, tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, ĐĐLS và khơi dậy khát vọng cống hiến cho HS.

- *Thi đọc*: Đọc diễn cảm, đọc phân vai, thi đọc thuộc lòng, thi ngâm thơ, thi đọc nghệ thuật gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

- *Thi kể*: Kể tóm tắt cốt truyện theo thời gian quy định, thi kể sáng tạo các sáng tác đã học hoặc đã đọc trong chương trình gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

- *Thi sáng tác văn học*: Phát động trong toàn trường hoặc trong lớp theo chủ đề gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

- *Thi tìm hiểu về văn học*: Trả lời nhanh những câu hỏi kiến thức văn học, viết bài về những bài đã học và đọc trong chương trình hoặc những tác phẩm ngoài chương trình cùng chủ đề gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

Những nội dung trên có thể tổ chức thi cho HS ở mỗi lớp (chia lớp thành các nhóm), mỗi khối lớp hoặc toàn trường (tổ chức hàng tuần theo định kì vào giờ chào cờ). Ngoài ra, tùy đặc điểm từng trường còn có thể tổ chức thi làm báo tường, thi vẽ tranh minh họa, thi sưu tầm hiện vật, tranh ảnh, thi chuyển thể tác phẩm văn học thành kịch bản... gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

(+) Tổ chức các hoạt động tham quan, dã ngoại

Là hình thức do GV tổ chức cho HS tham quan, học tập thực tế. Hoạt động này hỗ trợ tích cực cho dạy học chính khóa, giúp mở rộng tầm nhìn, bồi đắp tâm hồn, vốn sống và giáo dục sâu sắc tình yêu quê hương, đất nước cho HS.

Những địa điểm chủ yếu tổ chức tham quan: quê hương, nơi lao động sáng tạo... của các nhà văn, nhà thơ, của các danh nhân văn hóa, các bảo tàng văn hoá lịch sử, các thư viện, các di tích văn hóa, danh lam thắng cảnh... của địa phương và của đất nước.

Hoạt động tham quan có thể tổ chức định kì cho các khối lớp. Để đạt hiệu quả cao, GV phải chuẩn bị thật chu đáo, công phu về khâu tổ chức, nội dung, phương pháp, phải có những yêu cầu cụ thể về thu hoạch của HS.

(+) Tổ chức câu lạc bộ văn học

Câu lạc bộ văn học tổ chức các hội thảo, tọa đàm, trao đổi, kết hợp với kỉ niệm các ngày lễ lớn trong năm; kết hợp với các hình thức sinh hoạt văn học (kể chuyện, ngâm thơ, hội diễn các hoạt cảnh, các trích đoạn chuyển thể từ tác phẩm văn chương) với các hình thức hội trại... được tổ chức vào những ngày kỷ niệm hoặc sơ kết học kỳ, tổng kết năm học... gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

(+) *Triển lãm trưng bày* (có thể kết hợp với hội thảo, nói chuyện, về một nhà văn, nhà thơ, một tác phẩm) nhân kỷ niệm ngày sinh, ngày mất của tác giả.

- *Tổ chức hội diễn*: trình bày các điệu múa, các trích đoạn, bài hát... chuyển thể từ tác phẩm trong chương trình: ngâm các bài thơ, hát các làn điệu dân ca về các bài ca dao... gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

- *Trung bày tư liệu*: Tư liệu về những nhà văn, nhà thơ là đỉnh cao của văn học dân tộc và thế giới, những tác giả có học trong trong chương trình... gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

(+) *Tổ chức các buổi nói chuyện ngoại khóa*

Đề tài chủ yếu là các tác giả, tác phẩm, các vấn đề văn học trong chương trình gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

Hình thức dạy học này có tác dụng mở rộng, đào sâu và củng cố những kiến thức đã học cho HS. Ngoài ra còn có những hoạt động do nhóm câu lạc bộ với một nhóm năng khiếu khác kết hợp tổ chức. Đó là một tác phẩm, một vở diễn, một bộ phim, một sự kiện văn học có giá trị phù hợp gắn với nội dung giáo dục tích hợp, cần phải giới thiệu, phải tổ chức nói chuyện.

Để thực hiện tốt, GV có thể áp dụng các biện pháp thực hiện:

(+) *Thành lập các nhóm nòng cốt cho hoạt động định kì*:

- *Nhóm năng khiếu đọc và kể*: Tập hợp những HS có chất giọng, có năng lực cảm thụ, diễn xuất tốt của từng khối hoặc của toàn trường. Nhóm này sẽ tham gia các cuộc thi đọc diễn cảm, đọc thuộc lòng, đọc phân vai, ngâm thơ và kể chuyện... gắn với nội dung giáo dục tích hợp

- *Nhóm tác giả trẻ*: Tập hợp những HS có năng khiếu sáng tác, phê bình. Những HS này được GV chọn qua các bài viết văn, qua các cuộc thi sáng tác văn thơ... Nhóm này cần được GV hướng dẫn hoặc có kế hoạch mời các tác giả, các nhà văn, nhà thơ bồi dưỡng, tập huấn những chủ đề gắn với nội dung giáo dục tích hợp. Nhóm này có thể được thành lập ở liên trường và được các tổ chức như Đoàn thanh niên, Hội văn học nghệ thuật, các câu lạc bộ... ở các địa phương (huyện, tỉnh, thành) hỗ trợ tổ chức.

- *Nhóm sưu tầm, triển lãm*: Tập hợp những HS có cùng sở thích sưu tầm tư liệu văn học. Dưới sự hướng dẫn của GV, HS sưu tầm tranh, ảnh, hình vẽ... về các tác phẩm, tập hợp các ý kiến, bài viết, tác phẩm, các kỉ vật về tác giả, nhất là tác giả lớn của địa phương gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

- *Nhóm thông tin văn học*: Tập hợp những HS có năng khiếu văn học, viết chữ đẹp, chăm đọc sách, báo, tích cực theo dõi thời sự văn học (đọc những sáng tác mới và xem những bộ phim, vở diễn mới, nhất là những vở diễn, bộ phim chuyển thể từ những tác phẩm trong chương trình...). Nội dung hoạt động chủ yếu của nhóm thông tin văn học là viết bảng tin, ra báo tường, tập san hàng tháng vào những ngày kỷ niệm lớn hoặc kết hợp với các nhóm khác để tổ chức các câu lạc bộ, các buổi tọa đàm, hội thảo văn học... gắn với nội dung giáo dục tích hợp

- Ngoài ra, căn cứ vào đặc điểm, điều kiện của từng địa phương, từng trường, nhất là đội ngũ GV của trường, có thể thành lập một số nhóm khác như: *Nhóm kịch* (chuyên thể tác phẩm văn học thành kịch bản, tổ chức các hoạt động biểu diễn về các tác phẩm trong chương trình, thực hiện hoạt động đọc, kể nghệ thuật, chuyển thể tác phẩm trong giờ học chính khóa...); *nhóm sưu tầm văn học dân gian địa phương* (khai thác và xây dựng truyền thống văn hóa, văn học địa phương); *nhóm dịch giả* (dịch những tác phẩm nước ngoài ra tiếng Việt) gắn với nội dung giáo dục tích hợp.

Không phải bất cứ trường nào cũng có thể và cần thiết phải tổ chức được tất cả các nhóm nói trên. Tùy thuộc vào quy mô trường học, trình độ HS, đặc điểm về truyền thống văn hóa địa phương mà lựa chọn và thành lập nhóm cho phù hợp.

Tóm lại, môn Ngữ Văn, do tính chất đặc thù của nó là một môn học nghệ thuật, hoạt động dạy học tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, ĐĐLS và khơi dậy khát vọng cống hiến cho HS có vị thế quan trọng và có nhiều ưu thế so với các môn học khác. Hoạt động này là cơ hội để các em thưởng thức, thể nghiệm, đồng sáng tạo, rèn luyện kỹ năng sống... Do vậy, hoạt động dạy học tích hợp không những có tác dụng thiết thực đối với việc thực hiện chương trình chính khóa mà còn có vị trí quan trọng trong hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường để đạt được mục tiêu của Chương trình.

Như vậy, việc lựa chọn một hình thức tổ chức dạy học tích hợp giáo dục ĐĐLS cho HS phù hợp sẽ quyết định hiệu quả của hoạt động. GV có thể lựa chọn một trong những hình thức đa dạng như thực địa, tham quan, câu lạc bộ, hoạt động xã hội/tình nguyện, diễn đàn, giao lưu, hội thảo, trò chơi, cắm trại, thực hành lao động,...

Bước 5. Dự kiến nội dung chương trình

Căn cứ vào mục tiêu đề ra, căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, căn cứ vào đối tượng HS và thời gian tổ chức, GV có thể lựa chọn những nội dung phù hợp và xây dựng thành các chủ đề mang tính chất mở, tương đối độc lập với nhau để HS thực hiện một cách phù hợp, hiệu quả.

Nội dung bao gồm nhiều hoạt động. Chẳng hạn, chủ đề *Văn học với thế hệ trẻ và truyền thống yêu nước*, tổ chức trong giờ chào cờ nhân dịp kỉ niệm ngày lễ 22/12, GV có thể đề xuất một số hoạt động gắn với các nội dung cụ thể:

Hoạt động 1: Ai nhanh trí hơn (Kể tên những tác phẩm văn học về lòng yêu nước)

Hoạt động 2. Đuôi hình bắt chữ (Tôi yêu tổ quốc tôi)

Hoạt động 3. Hùng biện/Thuyết trình (Quan niệm của giới trẻ về lòng yêu nước)

Mỗi hoạt động sẽ có dự kiến cụ thể về:

- Mục tiêu
- Nội dung
- Sản phẩm
- Tổ chức thực hiện

Bước 6. Dự trù kinh phí

Căn cứ vào tình hình thực tế, GV dự trù để chủ động thực hiện và đảm bảo tính khả thi

Bước 7. Phân công nhiệm vụ

Căn cứ vào tình hình thực tế, GV dự trù để chủ động thực hiện và đảm bảo tính khả thi.

Bước 8. Tổng kết và hướng dẫn HS học tập

- HS chia sẻ kinh nghiệm, GV nhận xét về các hoạt động.
- GV khơi gợi để HS tiếp tục tự trải nghiệm, giao bài tập cho HS hoàn thành.

Bước 9. Đánh giá kết quả hoạt động

- Nội dung đánh giá: Đánh giá cá nhân, đánh giá tập thể.
- Hình thức đánh giá: Quan sát, phiếu tự đánh giá, phiếu hỏi, bài viết, sản phẩm hoạt động, điểm số, tọa đàm, bài tập, trình diễn, ...
Quy trình: HS tự đánh giá, nhóm HS đánh giá, GV đánh giá.

VII. Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn

Đánh giá kết quả học tập của HS là một hoạt động rất quan trọng trong công tác giáo dục của nhà trường phổ thông. Đó quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của HS nhằm tạo cơ sở cho những điều chỉnh sự phạm của GV, cho các giải pháp của các cấp quản lý giáo dục và cho bản thân HS, để HS học tập đạt kết quả tốt hơn. Đánh giá kết quả học tập của HS khi GV tiến hành dạy học tích hợp giáo dục ĐĐLS cho HS có đặc trưng riêng do yêu cầu về mục tiêu, về cách thức tổ chức bài học và phương pháp dạy học có khác biệt so với việc tiến hành các bài học bình thường. Tuy nhiên cách đánh giá kết quả học tập của HS vẫn cần đảm bảo những yêu cầu chung của công tác đánh giá. Đó là:

- (1) Bảo đảm tính khách quan, toàn diện, khoa học và trung thực;
- (2) Căn cứ vào YCCĐ về phẩm chất và năng lực của môn học Ngữ văn, vào mục tiêu giáo dục ĐĐLS được xác định ở từng bài/hoạt động;
- (3) Phối hợp giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS;
- (4) Kết hợp các hình thức đánh giá khác nhau (tự luận, trắc nghiệm khách quan, quan sát, sản phẩm,...).

Trong đánh giá kết quả học tập của HS khi dạy học tích hợp giáo dục ĐĐLS cho HS cần lưu ý không chỉ đánh giá những kiến thức HS lĩnh hội được mà còn đánh giá HS ở năng lực vận dụng các kiến thức đó để giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, cần đánh giá việc hoàn thành những nhiệm vụ của HS do GV giao hoặc theo sự phân công trong nhóm. Khi được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể, kết quả hoàn thành nhiệm vụ phải được HS thể hiện qua việc trình bày miệng hoặc trên giấy hoặc trình bày một sản phẩm, một báo cáo; trả lời câu hỏi; ... Quan sát việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS cùng những sản phẩm cụ thể ta có thể nhận biết mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các em.

- Trong các câu hỏi của bài kiểm tra định kì, thường xuyên (kiểm tra viết và miệng) GV nên thiết kế một câu hỏi có nội dung liên quan đến giáo dục ĐĐLS cho HS, ví dụ thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân về các tình huống liên quan đến ĐĐLS hoặc những hiểu biết về ĐĐLS liên quan đến nội dung bài học.

- Trong đánh giá kết quả học tập môn học, thang điểm 10/10 được sử dụng để đánh giá theo quy định, có thể dành một phần điểm đó cho việc đánh giá kết quả giáo dục ĐĐLS của HS. Có thể dành từ 1 đến 2 điểm cho những câu hỏi về kiến thức liên quan đến giáo dục ĐĐLS hoặc về kỹ năng liên quan đến việc tìm hiểu nội dung liên quan đến ĐĐLS.

- Dạy học tích hợp giáo dục ĐĐLS cho HS, GV nên sử dụng phương pháp đánh giá bằng quan sát trực tiếp của mình đối với các hoạt động của HS. GV quan sát các biểu hiện cụ thể trong lời nói, hành động, thái độ, việc làm của HS để đánh giá mức độ đạt được mục tiêu giờ học/ buổi học giáo dục của các em. Để quan sát đạt hiệu quả, GV cần: Xác định mục tiêu đánh giá, địa điểm, thời gian và đối tượng quan sát; Xây dựng bảng kiểm hoặc bảng tiêu chí quan sát, thang điểm; Căn cứ vào bảng kiểm hoặc bảng các tiêu chí để ghi kết quả quan sát.

- Trong quá trình dạy học tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, ĐĐLS và khơi dậy khát vọng cống hiến, GV có thể hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả học tập của mình. GV nên làm mẫu và nhận xét. HS có thể bắt đầu bằng cách viết những suy xét của mình ra giấy hoặc nói với những bạn khác.

Từ đó HS hiểu được đâu là điểm mạnh của mình và thông qua câu trả lời của HS, GV cũng có thể đáp ứng được nhu cầu học tập của các em.

Khi HS đánh giá các hoạt động và mức độ đạt được của mình qua bài viết, báo cáo, các em sẽ có những điều chỉnh hoạt động học của mình.

Ví dụ, GV yêu cầu HS kể ra những điều đã thu nhận được ở một tình huống về ĐĐLS nào đó. HS ghi vào phiếu tự đánh giá sau:

Họ và tên:
1. Những điều đã học được:
2. Những còn băn khoăn:
3. Những điều cần hướng tới:

Trong quá trình học tập GV có thể yêu cầu HS đánh giá bài viết/ báo cáo của các bạn khác. Tiêu điểm của đánh giá là phân tích và nhận xét mang tính tích cực về sản phẩm, kết quả học tập của bạn.

Phần III
KẾ HOẠCH MINH HOẠ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN NGỮ VĂN

1. Kế hoạch minh họa bài học tích hợp từng kĩ năng trong chủ đề/bài học

1.1. Kế hoạch dạy đọc hiểu

ĐỒNG ĐAO MÙA XUÂN

(Nguyễn Khoa Điềm)



I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về năng lực

- Nhận biết được các đặc điểm về số tiếng trong mỗi dòng thơ, số dòng trong bài thơ; đặc điểm vần, nhịp của thể thơ bốn chữ qua tìm hiểu bài thơ *Đồng dao mùa xuân* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm.
- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện ở yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, hình ảnh thơ (người lính trẻ, khung cảnh trận chiến trên rừng Trường Sơn), biện pháp tu từ (nói giảm nói tránh, điệp ngữ,...).
- Cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước được thể hiện trong bài thơ, biết ơn những người đã góp phần làm nên cuộc sống hôm nay và trân trọng những gì mà các em đang có.
- Năng lực: tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, phản biện,...

2. Về phẩm chất: Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:


- Máy tính, máy chiếu; hệ thống bảng phụ, bảng nhóm.
- Tranh ảnh, video liên quan đến văn bản *Đồng dao mùa xuân*.

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, sách bài tập và sách GV Ngữ văn 7; kế hoạch bài dạy.

- Tài liệu về thơ bốn chữ, năm chữ.
- Phiếu học tập, bảng kiểm để HS làm việc nhóm, rubric để chấm bài cho HS.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG		
<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhắc lại đặc điểm thể thơ 4 chữ, kết nối với tiết học trước. – HS chia sẻ ấn tượng đẹp về hình ảnh người lính. – Khơi gợi hứng thú cho HS để tiếp nhận bài mới. 		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối với tiết trước: GV chiếu slide để HS nhớ lại kiến thức về thể thơ bốn chữ. - Kết nối với trải nghiệm của HS để tạo tâm thế: GV cho HS chia sẻ ấn tượng đẹp nhất về người lính (qua thơ văn, trong cuộc sống vv..) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, tiếp thu. - HS chia sẻ cá nhân. 	 <p>Trình bày những cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất,... của người lính.</p>
HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC		
Hoạt động 2.1. Khám phá văn bản (tiếp theo)		
<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện những nét đặc sắc về cách gieo vần, ngắt nhịp, chia khổ của bài thơ. - Nhận xét những nét độc đáo: chi tiết đặc sắc, yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, biện pháp tu từ,... của bài thơ. - Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, lòng biết ơn những người đã góp phần làm nên cuộc sống hôm nay. 		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nghe clip nghệ sĩ đọc bài thơ và yêu cầu HS nêu ấn tượng, cảm xúc khi lần đầu nghe bài thơ. - GV chia sẻ cảm xúc cá nhân và nêu vấn đề gợi mở: bài thơ đem đến cảm xúc vừa tiếc thương vừa ngọt ngào, bình yên đến lạ, vì sao bài thơ viết về sự mất mát hi sinh mà lại có thể gợi lên những giai điệu xúc cảm trong trẻo đến thế? Tiết học sẽ giải đáp. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu yếu tố tự sự trong bài thơ: GV nhắc lại bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, nêu cảm nhận. -HS lắng nghe, suy tư 	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>2. Hình ảnh người lính</p>

vẽ sơ đồ time life (sơ đồ dòng thời gian-sự kiện) ở tiết trước và mời một HS trình bày sản phẩm

- GV nhận xét, chốt kiến thức trên slide:
+ Yếu tố tự sự thể hiện ở: các số từ và dòng thời gian: có một người lính, những năm máu lửa, một ngày hòa bình, một lần bom nổ, 10- 20 năm sau; xoay quanh 4 sự việc chính.

+ Vai trò của yếu tố tự sự: giúp chân dung người lính được khắc họa trọn vẹn, tác giả có thể đưa người đọc đến với nhiều cung bậc cảm xúc: từ những giây phút hào hùng “đi vào núi xanh” đến những giây phút trầm lắng khi anh nằm lại nơi chiến trường và những dư âm vang vọng theo bước chân người lính “về từ núi xanh”.

- GV hướng dẫn HS kỹ năng đọc hiểu bài thơ qua phương pháp I do- We do- You do (cô làm mẫu- tổ nhóm làm- cá nhân làm)

I DO (CÔ GIÁO LÀM MẪU)

- GV hướng dẫn HS khám phá kỹ năng đọc hiểu 4 khổ thơ đầu qua hoạt động *Lắng nghe - học hỏi*.

- GV định hướng kỹ năng tìm các chi tiết nghệ thuật: Em hãy đọc thầm 4 khổ đầu của bài thơ và tìm các chi tiết, các biện pháp nghệ thuật tái hiện bức chân dung người lính (gợi ý: thời gian, không gian, tâm hồn, hành động, sự hi sinh của người lính) Qua đó, em có cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của người lính và tình cảm tác giả muốn gửi gắm?

- GV yêu cầu HS cảm nhận giá trị của một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc:

- Nhận xét hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp, chia khổ trong 4 khổ thơ đầu trong việc biểu hiện cảm xúc, tình cảm của tác giả.

- Yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận về chi tiết mình yêu thích và lý giải.

- HS trình bày sản phẩm sơ đồ Dòng thời gian (Time life)

- HS đọc thầm, tìm chi tiết và biện pháp nghệ thuật, nêu nhận xét, cảm nhận.

- HS suy nghĩ, trả lời.

- HS chia sẻ.

- HS nêu cảm nhận.



a. Bốn khổ thơ đầu

* Chi tiết:

- Không gian, thời gian: núi xanh, ngày máu lửa.

- Hình ảnh người lính:

+ Chưa biết yêu, mê thả điều

+ Hi sinh thành ngọn lửa

* Nghệ thuật: điệp ngữ, ẩn dụ, chia khổ, ngắt nhịp linh hoạt...

- Yêu cầu HS nêu cảm nhận về hình ảnh ẩn dụ “Anh thành ngọn lửa”.

***GV bình giảng:** Tương phản với khung cảnh tối tăm của khói bom và nét âm ảm của rừng chiều là hình ảnh người lính hiện lên rực sáng. Ngọn lửa trở thành hình ảnh ẩn dụ thiêng liêng, vừa soi tỏ sự kinh hoàng, tàn bạo của chiến tranh vừa gọi sự hóa thân: lẽ sống hiến dâng và lý tưởng yêu nước của anh đã hóa thành ánh lửa.

*Sau bom đạn lửa hoa cương trầm
lặng*

*Cháy trên mồ người chiến sĩ vô
danh*

Rất có thể anh sẽ thành mây trắng

*Nước của sông, ngọn gió sớm mai
lành*

Hình ảnh ngời sáng ấy sẽ không bao giờ mờ phai trong ký ức đồng đội, nâng đỡ và tiếp thêm sức mạnh cho họ trong suốt hành trình dài rộng cuộc đời.

- GV liên hệ, kết nối với trải nghiệm của HS để giáo dục ĐĐLS và giáo dục truyền thống:

- Từ việc người lính hi sinh truyền đến động lực cho đồng đội, GV yêu cầu HS chia sẻ trải nghiệm về khoảnh khắc được truyền cảm hứng trong cuộc sống.

-GV: giáo dục lối sống - hãy sống đẹp, sống nhân ái để bản thân mình cũng có thể trở thành người truyền cảm hứng tích cực cho mọi người.

- GV: giáo dục truyền thống

Trong ghènh thác ký ức 4000 năm hào hùng của dân tộc, biết bao thế hệ đã ngã xuống, gửi mãi tuổi thanh xuân nơi chiến trường. Làm nên những trang sử chói ngời bất khuất của Tổ quốc Việt Nam là lớp lớp những người anh hùng, họ đã sống, đã chiến đấu, dâng hiến cả đời mình cho Tổ quốc thân yêu! Biết bao nẻo đường của non sông đất nước ta vẫn còn in dấu tuổi xuân của các anh, từ

=> *Người lính hồn nhiên, yêu đời, dũng cảm, sẵn sàng ra trận vì quê hương đất nước.*

=>*Tình cảm, cảm xúc của đồng đội, tác giả: ngưỡng mộ, trân trọng.*

- HS chia sẻ.

- HS lắng nghe, tiếp thu

+ Lý giải vì sao trong bài thơ, tác giả khẳng định anh không về nữa, cuối bài thơ tác giả lại viết “Theo chân người lính/ Về từ núi xanh”?

->Người lính đã nằm lại, nhưng anh đã hóa thân thành mùa xuân, và anh trở về với trong mai vàng, suối biếc, trong sắc xuân và hòa bình của đất nước, vậy là bằng việc hóa thân vào quê hương, người lính đã trở về

+ Kết cấu đầu cuối tương ứng: mở đầu bài thơ người lính “đi vào núi xanh”, cuối bài là “về từ núi xanh”: màu xanh núi rừng Trường Sơn in dấu lý tưởng, niềm tin của tuổi trẻ đã gieo nên mùa xuân tươi xanh trên khắp mọi miền quê hương. “Theo chân người lính” có thể là bước chân của những người đồng đội, bước chân của thế hệ sau đang bước tiếp khúc quân hành.

- **GV nhận xét, đánh giá hoạt động nhóm, rèn HS kỹ năng nhận xét góp ý:** một lời cảm ơn, nhiều lời khen, một lời góp ý)

YOU DO

- GV hướng dẫn HS khám phá kỹ năng đọc hiểu thơ bốn chữ qua hoạt động *Chia sẻ*.

- GV cho HS tham gia hoạt động chia sẻ cá nhân “Vui cùng thơ ca”. HS chọn một trong các hình thức chia sẻ:

1. Cảm nhận về một chi tiết em yêu thích
2. Chia sẻ về chi tiết có nhiều cách hiểu
3. Đặt câu hỏi về chi tiết mình ấn tượng
4. Đồng sáng tạo với tác giả (vẽ tranh, kể chuyện sáng tạo, hát...vv).

- **GV: cho HS giải đáp vấn đề đặt ra từ đầu tiết học (vì sao bài thơ viết về sự hi sinh, mất mát nhưng lại gọi lên xúc cảm ngọt ngào, trong sáng, bình yên), đánh giá về tác giả.**

- Sự hi sinh của người lính rõ để lại sự xót xa tiếc nuối vì anh ra đi khi tuổi đời rất trẻ, nhưng đồng thời nó vẫn rất đẹp

- HS chia sẻ cảm nhận, nêu câu hỏi phản biện, trình bày sản phẩm đồng sáng tạo...

-HS nêu suy nghĩ cá nhân

-HS lắng nghe, tiếp thu

- HS nêu ý kiến lý giải.



bởi sự hi sinh ấy đã đem lại cho chúng ta hòa bình của đất nước với mùa xuân ngọt lành. Bởi vậy dư âm mát mát đến cuối bài thơ tuy vương chút nỗi buồn nhưng vẫn rất trong trẻo, ngọt ngào, bình yên dần lại. Nhà thơ có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, làm mới một đề tài tưởng như quen thuộc bằng góc nhìn của đồng dao.

- GV củng cố kỹ năng đọc- hiểu văn bản thơ qua các từ chìa khóa. Nhấn mạnh HS coi đây là chiếc chìa khóa để khám phá bất cứ bài thơ nào.

- GV yêu cầu HS lý giải ý nghĩa nhan đề bài thơ.



KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

Chức năng: Trong đó học sinh có thể tự sáng tạo bài thơ của mình dựa trên bài thơ mẫu, sáng tạo từ: **TIẾT 15: ĐỒNG DAO MÙA XUÂN (NGUYỄN KHUÊ DIỆM)**

1. CÂU THƠ ĐI ĐÓNG VÀ ĐI KHUẾ THÌ THỰC NG

2. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

3. LƯU Ý CHỨC

4. KHÁI THUYẾT VĂN BẢN

1. Thể thơ là thơ lục bát (thơ lục bát có thể có 4 câu, 6 câu, 8 câu, 10 câu, 12 câu, 14 câu, 16 câu, 18 câu, 20 câu, 22 câu, 24 câu, 26 câu, 28 câu, 30 câu, 32 câu, 34 câu, 36 câu, 38 câu, 40 câu, 42 câu, 44 câu, 46 câu, 48 câu, 50 câu, 52 câu, 54 câu, 56 câu, 58 câu, 60 câu, 62 câu, 64 câu, 66 câu, 68 câu, 70 câu, 72 câu, 74 câu, 76 câu, 78 câu, 80 câu, 82 câu, 84 câu, 86 câu, 88 câu, 90 câu, 92 câu, 94 câu, 96 câu, 98 câu, 100 câu).

2. Thể thơ là thơ lục bát (thơ lục bát có thể có 4 câu, 6 câu, 8 câu, 10 câu, 12 câu, 14 câu, 16 câu, 18 câu, 20 câu, 22 câu, 24 câu, 26 câu, 28 câu, 30 câu, 32 câu, 34 câu, 36 câu, 38 câu, 40 câu, 42 câu, 44 câu, 46 câu, 48 câu, 50 câu, 52 câu, 54 câu, 56 câu, 58 câu, 60 câu, 62 câu, 64 câu, 66 câu, 68 câu, 70 câu, 72 câu, 74 câu, 76 câu, 78 câu, 80 câu, 82 câu, 84 câu, 86 câu, 88 câu, 90 câu, 92 câu, 94 câu, 96 câu, 98 câu, 100 câu).

3. Thể thơ là thơ lục bát (thơ lục bát có thể có 4 câu, 6 câu, 8 câu, 10 câu, 12 câu, 14 câu, 16 câu, 18 câu, 20 câu, 22 câu, 24 câu, 26 câu, 28 câu, 30 câu, 32 câu, 34 câu, 36 câu, 38 câu, 40 câu, 42 câu, 44 câu, 46 câu, 48 câu, 50 câu, 52 câu, 54 câu, 56 câu, 58 câu, 60 câu, 62 câu, 64 câu, 66 câu, 68 câu, 70 câu, 72 câu, 74 câu, 76 câu, 78 câu, 80 câu, 82 câu, 84 câu, 86 câu, 88 câu, 90 câu, 92 câu, 94 câu, 96 câu, 98 câu, 100 câu).

4. Thể thơ là thơ lục bát (thơ lục bát có thể có 4 câu, 6 câu, 8 câu, 10 câu, 12 câu, 14 câu, 16 câu, 18 câu, 20 câu, 22 câu, 24 câu, 26 câu, 28 câu, 30 câu, 32 câu, 34 câu, 36 câu, 38 câu, 40 câu, 42 câu, 44 câu, 46 câu, 48 câu, 50 câu, 52 câu, 54 câu, 56 câu, 58 câu, 60 câu, 62 câu, 64 câu, 66 câu, 68 câu, 70 câu, 72 câu, 74 câu, 76 câu, 78 câu, 80 câu, 82 câu, 84 câu, 86 câu, 88 câu, 90 câu, 92 câu, 94 câu, 96 câu, 98 câu, 100 câu).

Ý nghĩa nhan đề "Đồng dao mùa xuân"


Đồng dao: Thơ ca dân gian dành cho trẻ em, thường viết bằng thơ lục bát.

Mùa xuân: Mùa khởi đầu, tươi đẹp nhất. Tuổi trẻ, mùa tuổi đẹp nhất, tràn đầy sức sống. Vì đây là mùa của sự khởi đầu của đời sống. Sự khởi đầu, tươi đẹp.

Đồng dao: Bài thơ là bài đồng dao mùa xuân. Bài về những người lính trong sáng, yêu đời, sống mãi trong lòng người dân. Bài ngợi ca những con người đã hiến dâng tuổi xuân của mình làm mùa xuân đất nước. Là khác xa người sang mà bên trong tâm hồn của các thế hệ được sống trong hòa bình, các bài là thể thơ lục bát.

Hoạt động 2.2. Tổng kết

- Mục tiêu:**
- Khái quát nội dung, nghệ thuật của bài thơ.
 - Xác định được kỹ năng đọc hiểu thơ 4 chữ.
 - Thực hành đọc sáng tạo bài thơ theo nhịp điệu đồng dao.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS
<p>- GV hướng dẫn HS tổng kết kiến thức bài học qua trò chơi <i>Giải mật thư</i>.</p>  <p>- GV hướng dẫn HS khái quát kỹ năng đọc hiểu thơ bốn chữ.</p>	<p>- HS tham gia hoạt động.</p> <p>- HS lắng nghe, tiếp thu</p>

Kết quả/ Sản phẩm học tập

III. Tổng kết



*** Kỹ năng cơ bản cần thu**

- Bài 1: Nhận biết các từ trong cơ bản của thơ.
- Bài 2: Phân tích các từ để có cảm nhận ban đầu về nội dung.
- Bài 3: Phân tích các từ để có thể hiểu được nội dung, hình ảnh, các biện pháp tu từ, các từ ngữ, các từ.
- Bài 4: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật, nhận ra những đặc điểm của thơ lục bát.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – TRẢI NGHIỆM		
Mục tiêu: Khắc sâu lòng biết ơn, tình yêu quê hương đất nước,...		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<p>-GV kể câu chuyện có thật về người lính Trường Sơn, giáo dục truyền thống.</p> <p>GV tổ chức cho HS hoạt động tri ân: Viết tiếp khúc ca mùa xuân qua kỹ thuật Free writing (viết tự do)</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <p style="color: red; font-size: small;">FREE WRITING (Viết tự do)</p> <p style="font-size: x-small;">"Lời gửi dành cho người lính"</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p> </div> 	HS chia sẻ lời gửi.	HS viết lời gửi dưới nhiều hình thức khác nhau: bài thơ, bức thư, văn xuôi,...
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG		
Mục tiêu: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học trong tiết học vào cuộc sống thực tiễn.		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
GV nêu yêu cầu: <i>Em hãy viết một đoạn kịch, làm một bản Infographic, vẽ một bức tranh, làm một video phim/ âm nhạc, tạo một trò chơi,... về một người lính dũng cảm mà em yêu mến.</i>	HS làm sản phẩm sáng tạo ở nhà theo nhóm 4/làm cá nhân và nộp lên Padlet/ Gmail/ Nhóm lớp.	Yêu cầu về nội dung và hình thức: - Đúng thể thức. - Đúng chủ đề: người lính dũng cảm.

DẶN DÒ

- HS hoàn thành bài tập
- HS chuẩn bị nội dung tiết 17: Thực hành Tiếng Việt.

Phụ lục

Phụ lục 1

Sơ lược 2
Trong những năm mùa lúa được trồng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận.

Sơ lược 3
Một lần bạn nữ anh lên rừng đi săn, anh cũng đi dưới những rừng đại ngàn.

Sơ lược 4
10-20 năm, hình ảnh của anh vẫn còn mãi trong tâm trí đồng đội và nhân dân.

Sơ lược 1
Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ, con một nhà giàu, như con vua tuổi thiếu niên.

HOẠT ĐỘNG NHÓM (4 NHÓM)

Em hãy tìm các chi tiết tái hiện hình ảnh của người lính. Từ đó nêu cảm nhận, đánh giá và thông điệp.
Thời gian: 5 phút

Chi tiết	Cảm nhận/ đánh giá	Thông điệp
* Chi tiết: - thời gian, không gian - Hình ảnh người lính * Nghệ thuật:		
Tình cảm của đồng đội và nhân dân:		

FREE WRITING (Viết tự do)

"Lời gửi dành cho người lính"

.....

.....

.....



Phụ lục 2

VUI CÙNG THƠ CA

Chia sẻ cảm nhận về một chi tiết em yêu thích

Chia sẻ cảm nhận về những chi tiết có nhiều cách hiểu

Đặt câu hỏi về một chi tiết thơ mà mình yêu ấn tượng

Đồng sáng tạo với tác giả (làm thơ, kể chuyện, vẽ tranh vv...)

TÂM ẢNH VÀ BÀI THƠ TRONG TÙI ÁO NGỤC

Năm 1968, tại trận chiến đấu giữa ta và địch trong một khu rừng đại ngàn của Trường Sơn (thuộc liên khu 5), nhiều chiến sĩ ngã xuống để giữ độc lập, tự do cho Tổ quốc. Trong số đó có một chiến sĩ không ai biết tên tuổi, quê quán của anh. Chỉ biết trong túi áo ngục anh có một tấm ảnh nhỏ cỡ 5cm x 9cm. Người trong ảnh là một nữ công nhân, mặc áo trắng, quần yếm xanh, tay cầm chiếc thoi dệt vải. Một sau của ảnh có bài thơ chép tay.

Đợi anh ơi mùa Xuân
Chàng thấy ai trở lại
Chỉ thấy chim én về
Và hoa đào cây mải
Tay vẽ một nhánh hoa
Niu áo mùa Xuân hời.

Vì người công tác xa
Xuân ơi Xuân ơi đợi
Xin một nụ trên cành
Ủ kín vào thương nhớ
Em để dành mùa Xuân
Đợi anh về mới nở.

Đợi anh với mùa xuân
Chàng thấy ai trở lại
Chỉ thấy chim én về
Và hoa đào cây mải

Tay vẽ một nhánh hoa
Ủ kín vào thương nhớ
Vì người công tác xa
Xuân ơi Xuân ơi đợi?

Xin một nụ trên cành
Ủ kín vào thương nhớ
Em để dành mùa Xuân
Đợi anh về mới nở.

4 x 13.

TÂM ẢNH VÀ BÀI THƠ TRONG TÙI ÁO NGỤC

Phụ lục 3

KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

“Đã 20 năm trôi qua kể từ ngày anh hi sinh, người lính vĩnh viễn nằm lại với cỏ cây, núi rừng Trường Sơn. Trong buổi sáng mùa xuân dịu nhẹ, người mẹ của anh lặng lẽ, vờ với những kí ức về đứa con thân yêu, nhớ những ngày anh còn bé chẵn trâu thả diều với chúng bạn. Nam ơi, bây giờ con ở đâu? Con đã nằm lại nơi nào của núi rừng Trường Sơn ấy? Bỗng một làn gió nhẹ thổi lay lay ngọn tóc mẹ. Và lạ thay, trong gió như có tiếng thì thầm: Mẹ ơi, con đã về đây. Mùa xuân xin mẹ hãy nhìn những cánh nhạn bay, những mầm non mới nhú, trong làn gió mùa xuân con của mẹ sẽ trở về. Người mẹ bỗng rưng rưng..., mẹ đã nghe thấy con rồi, ừ nhỉ, sao mẹ lại đau buồn được, mẹ rất tự hào, vì con của mẹ đã trở thành một phần đất nước. Từ giờ mỗi tác đất, mỗi nhánh cây mỗi làn gió đều là con của mẹ, con đã theo mùa xuân trở về và sẽ mãi mãi ở trong tim mẹ. Giọt nước mắt của mẹ rơi trên một chồi non. Gió xuân đi khắp nơi như mang theo lời ca tiếng hát...”

(Em Nguyễn Mai Anh – 7A8)

Phụ lục 4

Chuyên đề: Hướng dẫn học sinh kỹ năng đọc hiểu văn bản theo định hướng phát huy phẩm chất, năng lực

TIẾT 15: ĐỒNG DAO MÙA XUÂN (NGUYỄN KHOA ĐIỂM)

A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ
B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:
I. TÌM HIỂU CHUNG
II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN:

1. Đặc điểm vần, nhịp, cách chia khổ của bài thơ

2. Hình ảnh người lính

a. Bốn khổ thơ đầu:

*Chi tiết:

- Thời gian, không gian: ngày mầu lửa, núi xanh
- Hình ảnh người lính:
 - + chưa biết yêu, mê thá điều.
 - + hi sinh: thành ngọn lửa.

*Nghệ thuật: điệp ngữ, ẩn dụ, chia khổ và ngắt nhịp linh hoạt.

- ⇒ người lính trong trẻo, hồn nhiên, dũng cảm.
- ⇒ *Tình cảm của đồng đội và tác giả: ngưỡng mộ, trân trọng.*

b. Năm khổ thơ cuối:

*Chi tiết:

- Thời gian, không gian: 10- 20 năm, Trường Sơn núi cũ
- Hình ảnh người lính: ba- lô con cóc, áo xanh, cười hiền lành, ngời lạng lẽ, nhớ mùa xuân nhân gian, mắt như suối biếc, vai đầy núi non.

*Nghệ thuật: điệp ngữ, ẩn dụ, so sánh...

- ⇒ *Người lính giản dị, hiền hậu, hóa thân thành sông núi, làm nên mùa xuân đất nước*
- ⇒ *Tình cảm của đồng đội và nhân dân: tiếc thương, trân trọng, biết ơn.*

Vần, nhịp, chia khổ

Yếu tố tự, miêu tả, biểu cảm

Chi tiết

Nghệ thuật



1.2. Kế hoạch dạy học viết

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ và năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.
- Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

2. Phẩm chất

Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Powerpoint, máy tính, tranh ảnh minh họa về tác giả, tác phẩm.
- Phim ngắn, bài thơ, bài hát về anh bộ đội, chiến tranh, làng quê, ...
- Bài viết mẫu, sưu tầm các bài thơ bốn chữ, năm chữ có chủ đề về tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước.
- Phiếu học tập cá nhân, phiếu thảo luận nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu:

- Nhớ lại bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ đã học/ đã đọc, chia sẻ về cảm xúc sau khi đọc bài thơ đó.
- Khởi gợi, tạo hứng thú tiếp nhận bài học.

GV: Các em ạ, con đường chinh phục lý trí của con người thật kì lạ: nếu âm nhạc làm rung cảm tâm hồn con người bởi những thanh âm; nếu hội họa làm say đắm lòng người bởi cái nhìn, thì văn chương lại đi theo con đường khác. Khi đọc được một bài thơ hay, ta thức nhọn mọi giác quan, cảm nhận những rung động tế vi trong sự xao xuyến, bồi hồi. Nhịp đập con tim ấy thôi thúc ta cầm bút ghi chép lại những cảm xúc của bản thân, để từ đó, xuất hiện những cuộc giao tiếp văn học giữa người đọc và tác giả. Có thể chúng ta chưa được gặp gỡ trực tiếp, nhưng chỉ qua thơ, phần nào ta cảm nhận được sự đồng điệu trong tâm hồn tác giả.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<p>Tổ chức hoạt động: “Tôi cảm thấy...”. (Qua hoạt động này giúp HS biết bồi dưỡng tình yêu đối với cái đẹp (cụ thể là một tác phẩm văn học) cũng như biết thể hiện tình yêu cái đẹp qua việc chia sẻ những cảm xúc, sự rung động của mình trước tác phẩm văn học đó.)</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc diễn cảm một bài thơ hoặc một câu thơ đã học/ đã học mà mình cảm thấy ấn tượng, thích thú; và nêu cảm nhận của mình.</p> <p>- GV kết nối, dẫn dắt vào bài học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc diễn cảm một bài thơ/ một câu thơ yêu thích và chia sẻ cảm nhận của bản thân. - HS lắng nghe, tiếp thu kiến thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ được những cảm xúc về bài thơ (ấn tượng sâu đậm, thú vị, gợi nhiều liên tưởng,...).

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu yêu cầu của đề

Mục tiêu: Trình bày được yêu cầu khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ,

GV: Ở chương trình Ngữ văn 6, chúng ta đã được tìm hiểu và thực hành cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ (Bài 4 - thơ lục bát). Tiếp nối tri

thức ngữ văn đó, tiết học ngày hôm nay, chúng ta sẽ học tiếp bài “Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ 4 chữ hoặc 5 chữ”.

- Bài học “Viết” chúng ta sẽ học trong 2 tiết. Trong khuôn khổ của tiết học ngày hôm nay, cô và các con sẽ dừng lại ở thao tác lập dàn ý ở mục III. Hoạt động còn lại sẽ dành sang tiết sau.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS nêu các yêu cầu của kiểu bài (dựa vào ô chỉ dẫn màu xanh – SGK/tr.51). (?) Một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ cần có những yêu cầu gì (về hình thức và nội dung)? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân. 	<p>I. Yêu cầu đối với kiểu bài</p> <p>Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: đoạn văn - Giới thiệu bài thơ và tác giả; Ấn tượng chung về bài thơ - Nêu cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nghệ thuật bài thơ.

Hoạt động 2.2. Phân tích mẫu

Mục tiêu: Phân tích bài viết mẫu, rút ra được những lưu ý khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu và gọi 1 HS đọc bài viết tham khảo. - GV yêu cầu HS hoàn thành PHT số 1 - GV gọi 1 HS trình bày, gọi 1 HS khác nhận xét. - GV nhận xét, chiếu, chốt kiến thức. - GV mở rộng tới một số bài viết của các nhà phê bình văn học nổi tiếng. - GV chiếu, chốt bảng kiểm đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi, đọc bài viết tham khảo. - HS suy nghĩ, trình bày cá nhân. - HS khác nhận xét, bổ sung, hoàn thiện PBT số 1. - HS quan sát, tham khảo - HS theo dõi bảng kiểm (phụ lục 2). 	<p>II. Phân tích bài viết tham khảo</p>

Dự kiến sản phẩm PHT số 1:

Người viết đã dùng ngôi thứ mấy để chia sẻ cảm xúc? (Thể hiện qua từ ngữ nào?)	- Người viết dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc. (Dùng từ: <i>em/ tôi</i>).
Bố cục đoạn văn gồm mấy phần? Mỗi phần gồm những câu văn nào?	- Đoạn văn gồm 3 phần: + Mở đoạn: Câu (1) + Thân đoạn: Câu (2) đến câu (7) + Kết đoạn: Câu (8)
Nội dung của câu mở đoạn là gì?	- Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả và cảm xúc chung về hình ảnh người lính trong bài thơ. + Chi tiết: “... càng thêm yêu mến những người lính...”
Phần thân đoạn thể hiện nội dung gì? (Người viết có ấn tượng/ cảm xúc đối với từ ngữ/ hình ảnh thơ/ biện pháp nghệ thuật/ nhịp thơ/ vần thơ... nào trong bài thơ?)	- Cảm nhận về nội dung của bài thơ: + Câu (2) đến câu (5) + Từ ngữ/ chi tiết: “ <i>chưa một lần yêu</i> ”, “ <i>đi vào rừng xanh</i> ”, “ <i>Ba lô con cóc/ Tấm áo màu xanh</i> ” + Hình ảnh: <i>những năm tháng khói lửa, căn bệnh sốt rét hành hạ, người lính trẻ vẫn luôn nở nụ cười trên môi</i> . - Cảm nhận về nghệ thuật của bài thơ: + Câu (6) và câu (7) + Cách gieo vần chân + Biện pháp so sánh “ <i>mắt như suối biếc</i> ”. + Điệp từ “ <i>anh không về nữa</i> ”.
Câu kết đoạn thể hiện nội dung gì?	- Khái quát cảm xúc về bài thơ.

(Thông qua việc phân tích ngữ liệu, GV giáo dục các em lòng yêu Tổ quốc, sự biết ơn đối với các thế hệ cha anh đã hi sinh để bảo vệ giang sơn, Tổ quốc; từ đó động viên, khích lệ các em HS cần cố gắng học tập, phấn đấu để xứng đáng với sự hi sinh của các bậc tiền nhân).

Hoạt động 2.3. Thực hành viết đoạn văn theo các bước

Mục tiêu: Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một hình ảnh/ từ ngữ/ biện pháp nghệ thuật... để lại nhiều ấn tượng với bản thân trong bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ theo các bước.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
* GV chiếu yêu cầu đề bài: Góc văn chương tháng này của lớp là “Đi tìm vẻ đẹp thơ ca”. Em hãy tìm đọc một bài	- HS đọc, theo dõi.	III. Thực hành viết theo các bước

<p>thơ bốn chữ hoặc năm chữ (có đề tài như tình cảm gia đình, tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,...) và viết đoạn văn khoảng 8 – 10 câu để chia sẻ cảm xúc về bài thơ đó với các bạn. <i>(Qua hoạt động cảm thụ thơ ca của HS, GV bồi đắp cho các em những tình cảm, cảm xúc đẹp về quê hương, đất nước, gia đình).</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 8 nhóm (mỗi nhóm 4-5 HS), phát cho HS PHT số 2. - GV lưu ý cho HS định hướng mục đích viết và người đọc (SGK/tr.52). - GV đưa ra tiêu chí lựa chọn bài thơ. - GV yêu cầu HS tìm, lựa chọn bài thơ theo tiêu chí. - Mỗi nhóm trình bày vào mục HĐ 1 của PHT số 2. - GV nhận xét về bài thơ các nhóm lựa chọn (đảm bảo theo tiêu chí). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia nhóm, phân công nhiệm vụ. - HS quan sát ô “mục đích viết” và “người đọc” (SGK/tr.52). - HS theo dõi tiêu chí - HS tìm, lựa chọn bài thơ dựa theo tiêu chí. (Có thể sử dụng ĐTĐĐ hoặc máy tính để tìm tư liệu phù hợp) - HS chép lại bài thơ. - Các nhóm khác quan sát, theo dõi 	<p>1. Trước khi viết</p> <p>a. Lựa chọn bài thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ: bốn chữ hoặc năm chữ - Đề tài: Tình cảm gia đình, tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,... - Bài thơ em yêu thích, ấn tượng, có cảm xúc.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm quan sát, tìm ý tưởng theo hướng dẫn. 	<p>b. Tìm ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc diễn cảm bài thơ nhiều lần để có thể cảm nhận chung về bài thơ. - Xác định chủ đề của bài thơ. - Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ/ hình

		<p>ảnh độc đáo/ chi tiết... mà em ấn tượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm và xác định ý nghĩa của các biện pháp tu từ, nhịp thơ, cách gieo vần,... đã gợi cho em những liên tưởng, cảm xúc. - Ghi lại cảm xúc chung của em về bài thơ.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu các nhóm hoàn thiện mục HĐ2 của PHT số 2. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận. - GV gọi 2 nhóm bất kì trình bày. Mỗi nhóm trình bày trong 2 phút. - GV nhận xét, đánh giá. - Kết thúc tiết 23 bằng bài hát: “Hạt gạo làng ta”. - GV giao nhiệm vụ về nhà: <p>+ HS hoàn thiện dàn ý (từ sản phẩm của nhóm)</p> <p>+ Hoặc HS lựa chọn một bài thơ bốn chữ/ năm chữ khác, lập dàn ý chi tiết (dựa trên câu hỏi gợi ý ở PHT số 2)</p> <p><i>Kết thúc tiết 23 và chuyển sang tiết 24.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận, xây dựng dàn ý (HĐ2 của PHT số 2). - 2 nhóm bất kì trình bày dàn ý. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét. 	<p>c. Lập dàn ý</p>
<p>HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định.</p>		
<p>Tổ chức hoạt động</p>	<p>Hoạt động của HS</p>	<p>Kết quả/ Sản phẩm học tập</p>
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS viết đoạn văn hoàn chỉnh dựa vào dàn ý đã lập. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS dựa vào dàn ý đã lập, viết thành đoạn văn hoàn chỉnh, làm việc cá nhân. 	<p>2. Viết bài (Bài viết của HS)</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lại bài viết đã hoàn thành, soát lại lỗi (dựa theo bảng kiểm). - GV gọi 1-2 HS trình bày sản phẩm cá nhân. - Gọi HS khác nhận xét. - GV nhận xét, đánh giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lại bài viết, soát lại lỗi (dựa theo bảng kiểm). - HS trình bày sản phẩm cá nhân. - HS khác nhận xét, góp ý. 	3. Chỉnh sửa bài viết
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG <i>Mục tiêu: Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kỹ năng trong cuộc sống từ tình huống/ vấn đề đã học. (Kết nối chủ đề đang học với những trải nghiệm thực tế trong cuộc sống về tình yêu quê hương, đất nước, gia đình qua những hoạt động cụ thể và ý nghĩa).</i>		
Tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<ul style="list-style-type: none"> - (Giao nhiệm vụ 1 về nhà): GV yêu cầu HS tìm đọc những bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có đề tài về tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,... và ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ đó. - (Giao nhiệm vụ 2 về nhà): HS có thể ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ có thể thơ khác, hoặc một bộ phim, một bài hát... phù hợp với lứa tuổi mà HS yêu thích, có ấn tượng. - Xây dựng những kế hoạch hoạt động cụ thể để thể hiện tình yêu đối với quê hương, đất nước, gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân, trình bày vào vở soạn văn ở nhà. 	(Bài viết của HS)
GIAO NHIỆM VỤ VỀ NHÀ <i>Mục tiêu: Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định.</i> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đoạn văn hoàn chỉnh. - Chuẩn bị bài cho tiết 25: <i>Nói và nghe: Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống.</i> 		

PHỤ LỤC
Phiếu học tập số 1

Phiếu học tập số 1

PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO



Họ và tên học sinh: _____

Lớp: _____


- **Yêu cầu:** Đọc bài tham khảo nêu cảm nghĩ về hình ảnh người lính trong bài thơ "Đồng dao mùa xuân" và trả lời các câu hỏi bên dưới.

Bài viết tham khảo:

Đọc bài thơ "Đồng dao mùa xuân" của Nguyễn Khoa Điềm, em lại càng thêm yêu mến những người lính - bộ đội cụ Hồ - những người đã bảo vệ non sông gấm vóc của dân tộc (1). Hình ảnh anh lính với tuổi xuân xanh "chưa một lần yêu" nhưng quyết tâm "đi vào rừng xanh" trong những năm tháng khói lửa đã làm chúng ta thêm cảm phục bởi lí tưởng sống cao đẹp (2). Trong khó khăn gian khổ của cuộc chiến, bị căn bệnh sốt rét hành hạ, người lính trẻ vẫn luôn nở nụ cười trên môi (3). Anh hi sinh nơi núi rừng Trường Sơn nhưng mãi được đồng đội, nhân dân thương nhớ (4). Những hình ảnh hào hùng mà cũng giản dị của anh "Ba lô con cóc/ Tấm áo màu xanh" còn in mãi trong tâm trí nhân gian (5). Với hình ảnh thơ gắn gũi cùng cách gieo vần chân, nhà thơ đã thành công trong việc khắc họa hình ảnh người lính cụ Hồ (6). Bằng các biện pháp so sánh "mắt như suối biếc", điệp từ "anh không về nữa" đã góp phần bày tỏ tình cảm, tấm lòng biết ơn của đồng đội, của nhân dân (7). Bài thơ là khúc đồng dao về tuổi trẻ nhiệt huyết, về sự bất tử của những người lính - những người đã góp phần tạo nên Việt Nam hòa bình (8).

Người viết đã dùng ngôi thứ mấy để chia sẻ cảm xúc? (Thể hiện qua từ ngữ nào?)	
Bố cục đoạn văn gồm mấy phần? Mỗi phần gồm những câu văn nào?	
Nội dung của câu mở đoạn là gì?	
Phần thân đoạn thể hiện nội dung gì? (Người viết có ấn tượng/ cảm xúc đối với từ ngữ/ hình ảnh thơ/ biện pháp nghệ thuật/ nhịp thơ/ vần thơ, nào trong bài thơ?)	
Câu kết đoạn thể hiện nội dung gì?	

Phiếu học tập số 2




Phiếu học tập số 2: Dấu ấn thơ ca

Nhóm: _____

Hoạt động 2: Khởi nguồn cảm xúc

* Yêu cầu: Nhóm em hãy xây dựng dàn ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà nhóm đã tìm và lựa chọn ở hoạt động 1 theo bảng hướng dẫn dưới đây:

Bố cục	Nội dung chính cần đảm bảo	Dàn ý bài làm
Mở đoạn (1 câu)	- Giới thiệu bài thơ và tác giả. - Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về nét độc đáo, có ý nghĩa nhất của bài thơ.	
Thân đoạn (7 - 8 câu)	- Nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. + Bài thơ viết về đề tài, chủ đề gì? + Sự việc/ chi tiết/ hình ảnh/ từ ngữ đặc sắc... + Tình cảm, cảm xúc sâu sắc/ thông điệp, bài học ý nghĩa em rút ra từ bài thơ + Cảm nhận về cách gieo vần/ nhịp điệu/ thể thơ... + Biện pháp tu từ và ý nghĩa.	
Kết đoạn (1 câu)	Khái quát lại ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.	



Phiếu học tập số 2: Dấu ấn thơ ca

Nhóm: _____

Hoạt động 2: Khởi nguồn cảm xúc

* Yêu cầu: Nhóm em hãy xây dựng dàn ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà nhóm đã tìm và lựa chọn ở hoạt động 1 theo bảng hướng dẫn dưới đây:

Bố cục	Nội dung chính cần đảm bảo	Dàn ý bài làm
Mở đoạn (1 câu)	- Giới thiệu bài thơ và tác giả. - Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về nét độc đáo, có ý nghĩa nhất của bài thơ.	
Thân đoạn (7 - 8 câu)	- Nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. + Bài thơ viết về đề tài, chủ đề gì? + Sự việc/ chi tiết/ hình ảnh/ từ ngữ đặc sắc... + Tình cảm, cảm xúc sâu sắc/ thông điệp, bài học ý nghĩa em rút ra từ bài thơ + Cảm nhận về cách gieo vần/ nhịp điệu/ thể thơ... + Biện pháp tu từ và ý nghĩa.	
Kết đoạn (1 câu)	Khái quát lại ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.	

Bảng kiểm

BẢNG KIỂM			
Đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ			
Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng		
	Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm xúc về bài thơ		
	Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ.		
Thân đoạn	Trình bày cảm xúc về bài thơ theo trình tự hợp lí.		
	Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.		
	Dùng các từ ngữ để liên kết các câu.		
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.		
	Kết đoạn bằng dấu chấm dùng để ngắt đoạn.		

1.3. Kế hoạch dạy học nói - nghe

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH

A. Mục tiêu cần đạt

1. Năng lực

- Đối với người nói: biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một vấn đề trong đời sống gia đình một cách tự tin, hấp dẫn và thuyết phục; biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;
- Đối với người nghe: biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

2. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng tình yêu thương, sự trân trọng đối với gia đình và những người thân yêu.
- Bồi dưỡng lối sống vị tha, bao dung, biết chia sẻ và thấu cảm

B. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học:

- Máy tính, máy chiếu; hệ thống bảng phụ, bảng nhóm.
- Tranh ảnh, video liên quan đến chủ đề dạy học

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, sách bài tập và sách GV ; kế hoạch bài dạy.
- Phiếu học tập, bảng kiểm để HS làm việc nhóm, rubric để chấm bài cho HS.

C. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối tạo hứng thú, tạo tâm thế cho HS, giúp HS kết nối kiến thức đã học với việc kể lại những trải nghiệm của bản thân

b. Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ:** *Trong cuộc sống hàng ngày của con, điều gì là quý giá nhất, may mắn nhất mà con đang có? Và ai là người đem đến cho con những điều đó?*

- **HS chia sẻ:**

- **Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt:**

Các con ạ, điều kì diệu và may mắn nhất của chúng ta là được có mặt trên cuộc đời này, có đôi mắt để ngắm nhìn bầu trời bao la, có đôi chân để khám phá vạn vật, có nơi để trở về sau mỗi chuyến đi xa và đặc biệt là có vòng tay ấm áp của cha mẹ luôn chờ đón ta hàng ngày. Nhưng trong cuộc sống gia đình, cô biết, các con đôi khi vẫn còn những điều băn khoăn chưa dám nói. Chúng ta hãy cùng

lắng nghe chia sẻ của một bạn HS qua chương trình “Thiếu niên nói” để xem bạn chia sẻ điều gì với gia đình của mình.

- **GV chiếu video, đưa câu hỏi:** Con đã bao giờ trải qua tâm trạng, cảm giác giống như bạn nhỏ trong đoạn clip trên?

- **HS chia sẻ:**

- **Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt:**


Các con ạ, nếu ai đó trong chúng ta chưa từng phải trải qua tâm trạng giống như bạn nhỏ trong video trên thì chúng ta thật sự hạnh phúc và may mắn. Nhưng nếu đã trải qua rồi, con có tự tin để nói những suy nghĩ của mình với cha mẹ hay không? Tiết học hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau chia sẻ về một vấn đề trong đời sống gia đình, cô tin rằng trái tim mỗi chúng ta sẽ vang lên những thanh âm của tình yêu, của hạnh phúc, của yêu thương. Chúng ta vào tiết 25,26 với chủ đề Nói-Nghe: **Điều con muốn nói.**

Hoạt động 2: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích, đối tượng, đề tài trước khi nói.
- Chuẩn bị nội dung nói.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>chọn đề tài cần lưu ý về những vấn đề xoay quanh đời sống gia đình. Tùy thuộc vào hoàn cảnh nói, ta lựa chọn phương tiện hỗ trợ phù hợp.</p> <p>H: Dựa trên cơ sở bài em đã chuẩn bị, hãy cho biết cấu trúc bài nói gồm những phần nào?</p>  <p>- HS trình bày, nhận xét, bổ sung</p> <p>- GV lưu ý phần mở đầu và phần kết thúc bài nói</p> <p>* GV chiếu phần HS đã chuẩn bị bài ở nhà và nhận xét đánh giá phần thực hiện của HS</p> <p>H: Vậy, để bài nói của mình hấp dẫn, thuyết phục người nghe, em đã tập luyện như thế nào?</p>	<p>1. Trước khi nói</p> <p>a. Chuẩn bị nội dung nói</p> <p>- Xác định mục đích, người nghe.</p>

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung
- GV đưa ra nguyên tắc nói - nghe.
- HS chú ý thực hiện

NGUYÊN TẮC NÓI - NGHE

NGƯỜI NÓI	NGƯỜI NGHE
Đối tượng nghe: Nói cho ai?	Tập trung lắng nghe.
Mục đích: Nói để làm gì?	Ghi chép văn tắt.
Nội dung: Nói điều gì?	Phản hồi tích cực: Nhận xét theo kỹ thuật 1 – 3 – 2 – 1, có bảng tiêu chí đánh giá.
Hoàn cảnh: Nói ở đâu, khi nào?	
Cách nói: Nói như thế nào?	

HS: Nhắc lại kỹ thuật 1 – 3 – 2 – 1. (Tặng bạn một lời cảm ơn, ba lời khen, hai lời góp ý, một lời đề xuất=>giáo dục HS về cách ứng xử văn minh, thanh lịch khi giao tiếp)

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung
- GV đưa ra tiêu chí đánh giá.
- HS thực hiện đánh giá theo tiêu chí

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI VÀ NGHE

TIÊU CHÍ	CHƯA ĐẠT (0đ)	ĐẠT (1đ)	TỐT (2đ)
1. Chọn được nội dung phù hợp			
2. Vấn đề hay, hấp dẫn, có sức lan tỏa đến mọi người			
3. Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy			
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ, phương tiện phù hợp			
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí.			
Tổng điểm			

GV: Như vậy, chúng ta đã nắm được những nguyên tắc nói nghe, vậy các con đã sẵn sàng thực hành cùng các bạn trong nhóm lớp chưa? Chúng ta cùng chuyển sang phần II.

- Lựa chọn đề tài phù hợp.
- Chuẩn bị phương tiện hỗ trợ.

b. Tập luyện


- Tập nói một mình trước gương.
- Nói trước người thân, nhóm bạn bè...

Hoạt động 3: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu:

- HS tự tin, chủ động trình bày bài nói trước tập thể
- + HS có kỹ năng trình bày trước nhóm, trước lớp.
- + Nói rõ ràng, mạch lạc bài nói, có quan điểm, thái độ; biết bảo vệ quan điểm của cá nhân một cách thuyết phục.
- + Mạnh dạn, tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ thích hợp khi nói.

b. Tổ chức thực hiện: Hoạt động nhóm, trả lời cá nhân

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>- GV chuyển giao nhiệm vụ: + HS trình bày bài nói theo nhóm + Theo 7 nhóm (5 HS / 1 nhóm) + Thời gian: 5 phút.</p>  <p>- GV hướng dẫn: Mỗi thành viên nhóm sẽ chú ý lần lượt chia sẻ, nhận xét và góp ý, chấm điểm cho các thành viên còn lại. Tối đa 2 phút/ 1 thành viên. Trình bày có trọng tâm, không sa vào kể. Nhóm trưởng có trách nhiệm điều hành nhóm của mình.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ nói trước nhóm - HS báo cáo phần làm việc của từng nhóm. - GV nhận xét hoạt động nói theo nhóm.</p> <p>- GV tổ chức cho HS nói trước lớp - HS thực hiện nhiệm vụ nói trước lớp - HS nhận xét, phản hồi - GV nhận xét, hoạt động nói trước lớp.</p>	<p>2. Trình bày bài nói</p> <p>- Nói theo nhóm.</p> <p>- Nói trước lớp</p>

Hoạt động 4: Trao đổi sau khi nói

a. Mục tiêu:

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.
- HS biết lắng nghe sự chia sẻ từ thầy cô, bạn bè.
- Biết rút ra kinh nghiệm cho bài nói

b. Tổ chức thực hiện:

- HS làm việc cá nhân và trình bày kết quả.

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p>GV: Sau khi được lắng nghe phần trình bày của các bạn, chúng ta sẽ cùng đến phần tiếp theo: trao đổi sau bài nói.</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau khi nói theo đúng kỹ thuật 1-3-2-1</p>	<p>3. Trao đổi sau khi nói</p> <p>- Người nghe: Chia sẻ và nhận xét phần nói. - Người nói: Lắng nghe, tiếp thu phản hồi.</p>

Nhiệm vụ sau nói



Hoàn thành nhận xét phiếu đánh giá bài nói/nghe của từng nhóm.



Nhận xét bài nói theo kĩ thuật 1 - 3 - 2 - 1.



Nhận phản hồi và phản hồi.

- HS nói nhận phản hồi, chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét, khen ngợi, khích lệ HS trình bày.
- * GV kể câu chuyện “Tô mì của người lạ”, dẫn dắt tổ chức HS tham gia hành trình kì lạ



- * HS thực hiện nhiệm vụ.

GV: Vừa rồi, chúng ta đã trải qua một hành trình đặc biệt. Các con có bao giờ nghĩ những điều đó sẽ xảy ra với mình chưa? Chưa, chúng ta đương nhiên chẳng bao giờ nghĩ đến. Nhưng các con ạ, hàng ngày bao nhiêu điều bất ngờ có thể đến mà ta chẳng lường trước được... Thay vì hối tiếc “giá mà, ước gì”, tại sao chúng ta không hành động.

Các con, ngay lúc này **con muốn nói, muốn làm** điều gì với cha mẹ và những người thân yêu trong gia đình mình?

(Qua hoạt động trên, GV giáo dục HS về tình yêu, sự trân trọng đối với gia đình và những người thân yêu. Đồng thời giáo dục HS biết chia sẻ những điều còn khúc mắc để mỗi thành viên trong gia đình có sự sẻ chia và thấu cảm thực sự).

HS bày tỏ, chia sẻ theo cảm xúc, tâm trạng...

GV: Tất cả chúng ta ai sinh ra đều có giá trị riêng, mỗi chúng ta chính là món quà kết tinh của tình yêu thương vô bờ bến của cha mẹ. Các em là viên kim cương tỏa sáng, là báu vật mà cha mẹ gìn giữ. Hãy tỏa sáng giá trị của chính bản thân mình. Thay vì ngại ngùng, các em hãy biến nó thành hành động. Chủ đề nói hôm nay vô cùng ý nghĩa bởi các em thấy, gia đình luôn là bến bờ giang tay đón nhận và yêu thương, là ngọn lửa hồng chẳng bao giờ dập tắt

D. Hướng dẫn học ở nhà

Chuẩn bị bài mới: **Chủ đề “Yêu thương và chia sẻ”**

- Đọc và tìm hiểu phần Tri thức ngữ văn.
- Đọc hiểu văn bản “Cô bé bán diêm”, chuẩn bị phần trước đọc, sưu tầm những câu chuyện có nội dung tương tự.

2. Kế hoạch minh họa bài học/chủ đề tích hợp theo định kì của năm học
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG,
ĐDLS VÀ KHƠI DẠY KHÁT VỌNG CÔNG HIẾN
TÊN CHỦ ĐỀ: “DẤU CHÂN NGƯỜI LÍNH”

I. LỰA CHỌN NỘI DUNG TÍCH HỢP

- Những tác phẩm văn học về đề tài chiến tranh và người lính;
- Qua đó, tích hợp giáo dục cho HS:
 - + Truyền thống yêu nước,
 - + Tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
 - + Lối sống nhân ái, ý thức kỉ luật, tự giác, trách nhiệm với cộng đồng.
 - + Tinh thần tự giác, ý thức phấn đấu vươn lên, có tình yêu lớn và trách nhiệm cao đối với gia đình, quê hương và đất nước, xung kích trong học tập và lao động.
 - + Đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội và luận điệu sai trái của các thế lực thù địch; kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, lối sống thực dụng, ích kỉ; chống tâm lý ngại khó, ngại khổ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

II. DỰ KIẾN THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM - THÀNH PHẦN TỔ CHỨC

1. Hoạt động chào mừng ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12
2. Địa điểm: Tại sân trường PTDTNT A
3. Thành phần:
 - Toàn thể GV tổ KHXH
 - HS khối 9
 - Đại biểu

II. MỤC TIÊU CỦA CHỦ ĐỀ

1. Năng lực

- Củng cố kiến thức văn học cách mạng cho HS khối 9.
- Cảm nhận sâu sắc hơn về vẻ đẹp của hình tượng người lính trong cuộc chiến tranh xâm lược và bảo vệ tổ quốc.
- Hoàn thành 01 báo tường, chủ đề chào mừng ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam để trưng bày trong ngày tổ chức.

2. Phẩm chất

- Góp phần bồi đắp thêm tinh thần tự hào dân tộc.
- Có tinh thần yêu nước, tích cực học, có lối sống nhân ái, ý thức kỉ luật, tự giác, trách nhiệm với gia đình, quê hương và đất nước.
- Có tinh thần đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực.

III. NỘI DUNG, THỂ LỆ VÀ HÌNH THỨC THI.

1. Nội dung:

Hoạt động với chủ đề “Dấu chân người lính”

2. Thể lệ: Mỗi khối lớp chọn ra 4 đội thi, mỗi đội thi gồm 6 thành viên.

3. Hình thức:

- Các đội dự thi trả lời câu hỏi và trình bày tác phẩm văn học theo hình thức sân khấu hóa ý tưởng, thể loại biểu diễn tự chọn.

- Các lớp tự chuẩn bị trang phục, đạo cụ, âm thanh, ánh sáng.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.

STT	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Dự kiến năng lực, phẩm chất đạt được hình thành và phát triển
1	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu		Lắng nghe	
2	Giới thiệu nội dung chương trình	GV	Lắng nghe	
3	Các phân thi	- GV phân 4 đội chơi: Đội 1: Đồng Chí Đội 2. Tiểu đội xe không kính, Đội 3. Chiếc lược ngà. Đội 4. Những ngôi sao xa xôi.	Lắng nghe	
3.1.	Phân thi Chào hỏi	- GV mời các đội thi lần lượt thực hiện phần thi Chào hỏi của mình. - Yêu cầu: + Thời gian cho các đội không quá 5 phút + Hình thức thơ, ca, hò, vè.	Các đội tự giới thiệu ngắn gọn về các thành viên của đội mình.	<i>Chăm chỉ:</i> Nỗ lực để thực hiện tốt nhất phần dự thi. - Thể hiện tài năng của cá nhân, đội chơi.
3.2.	Phân Thi: Tìm hiểu về hình tượng người lính trong những tác	- GV cho HS lựa chọn câu hỏi - Trong khoảng thời gian 2 phút với 5 câu hỏi - Mỗi câu trả lời	HS lắng nghe, suy nghĩ, lựa chọn đáp án đúng và nhanh nhất.	- Khắc sâu, củng cố kiến thức - Tham gia tích cực vào hoạt động của

	<i>phẩm văn học.</i>	đúng được 10 điểm; nếu trả lời sai thì nhường - quyền trả lời cho đội thi khác.		nhóm.
3.3	Phần Thi Tài năng	- GV yêu cầu HS trình bày phần dự thi.	- Các đội chơi sẽ thể hiện phần dự thi hóa thân vào các nhân vật trong tác phẩm văn học; - Thời gian không quá 10 phút.	- Phát huy được phẩm chất trách nhiệm, đoàn kết;
3.4	Phần Thi: CảmThụ văn học	- GV đưa ra 5 bộ câu hỏi; Mỗi đội thi sẽ bốc thăm và lựa chọn gói câu hỏi cho đội mình.	- Các đội thi sẽ thảo luận và sẽ cử đại diện thực hiện phần thi của đội mình.	- Phát triển được năng lực hợp tác; giải quyết vấn đề, thuyết trình; - HS phát huy được tài năng cảm thụ văn học. - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và thể hiện được tình yêu đối với văn học.
3.5	Phần thi Giao lưu với khán giả	- GV phải phổ biến luật chơi và lần lượt đọc 5 câu hỏi;	Tất cả HS Khối 9, lắng nghe, trả lời	- Cùng có kiến thức văn học. - Động não suy nghĩ; - KT trình bày 1 phút;
4	Tổng kết, trao giải.	- GV nhận xét chung về các phần thi của HS và thông báo kết quả thi của từng đội thi; - - Trao giải và bế mạc	- HS lắng nghe	-

V. DỰ TRÙ KINH PHÍ: Dự trữ kinh phí phần thi dành cho các đội thi; Phần thi giao lưu với khán giả; Trang trí khánh tiết; Hỗ trợ trang phục cho các đội thi.

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

- Phụ trách chung (Xây dựng kế hoạch, xây dựng kịch bản)
- Dẫn chương trình:
- Thành phần Ban giám khảo: Trưởng ban; Thành viên; Thư ký
- Biên soạn hệ thống câu hỏi:
- Trang trí khánh tiết:
- Phụ trách âm thanh:
- Bàn, ghế: Lớp trực tuần.

VII. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HS HỌC TẬP

- HS chia sẻ kinh nghiệm, GV nhận xét về các hoạt động.
- GV khơi gợi để HS tiếp tục tự trải nghiệm, giao bài tập cho HS hoàn thành.

VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Phiếu đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM CỦA GV

Nhóm được đánh giá:

TIÊU CHÍ	ĐÁNH GIÁ			
	Chưa đạt (0-4,5đ)	TB (5-6.5đ)	Khá (7-8đ)	Tốt (8.5-10đ)
Các thành viên của nhóm hợp tác và hỗ trợ nhau trong suốt thời gian HĐ.				
Có thái độ tích cực, đáp ứng các yêu cầu của buổi HĐ.				
Thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ, yêu cầu đề ra.				
Sản phẩm HĐ của nhóm. Hình thức đẹp, cân đối (tròn đều hai đầu bánh) Bánh gói vừa tay (không quá chặt, không quá lỏng)				
Tổng điểm				

Trên đây là kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa, chủ đề “Dấu chân người lãnh” của tổ Khoa học Xã hội; kính mong Ban giám hiệu sẽ tạo điều kiện để hoạt động thực hiện được thành công. Xin chân thành cảm ơn.

Phê duyệt của BGH
(ký tên, đóng dấu)

Người lập kế hoạch
(ký tên)

Kiểm tra lại kế hoạch đã xây dựng:

Phẩm chất, Năng lực	Yêu cầu cần đạt	Có	Không
1.1. Phẩm chất chủ yếu			
Yêu nước	- HS tự hào quê hương đất nước. - Có lý tưởng sống đúng đắn		
Chăm chỉ	Nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.		
Trách nhiệm	Quan tâm và tham gia tích cực các hoạt động của nhóm.		
1.2. Năng lực chung			
Tự chủ	Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ.		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, thể hiện khả năng hợp tác với các bạn cùng nhóm.		
	Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được phân công, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm và các nhóm bạn.		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Lập kế hoạch HĐ với mục tiêu, nội dung và hình thức phù hợp, biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên của nhóm.		
	Có các ý tưởng mới, sáng tạo khi xây dựng sản phẩm.		
	Biết chú ý lắng nghe, tiếp nhận tích cực; biết đánh giá đúng sản phẩm và HĐ của các nhóm.		
1.3. Năng lực đặc thù			
Năng lực văn học	HS biết khắc sâu kiến thức văn học đã học		
	Biết được các yêu cầu cơ bản của các tác phẩm văn học trong chương trình THCS.		
	- Cảm thụ sâu sắc về tác phẩm văn học.		
	Giáo dục HS biết luôn luôn chia sẻ, giúp đỡ nhau trong học tập.		

PHỤ LỤC

Nội dung và yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt		
	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Yêu nước			
	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên. - Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước. - Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. - Có ý thức tìm hiểu truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương. - Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. - Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá. - Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật. - Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái			
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng danh dự, sức khoẻ và cuộc sống 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác.

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt		
	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè. - Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ. - Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> riêng tư của người khác. - Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi,... - Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. - Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình. - Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn. - Sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác. - Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác. - Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. - Có ý thức học hỏi các nền văn hoá trên thế giới. - Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ			
Ham học	<ul style="list-style-type: none"> - Đi học đầy đủ, đúng giờ. - Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết. - Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng 	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. - Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết. - Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. - Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt		
	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.	trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.	qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân. - Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. - Luôn cố gắng đạt kết quả tốt trong lao động ở trường lớp, cộng đồng. - Có ý thức học tốt các môn học, các nội dung hướng nghiệp; có hiểu biết về một nghề phổ thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng. - Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. - Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
Trung thực			
	<ul style="list-style-type: none"> - Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình. - Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt. - Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác. - Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm. - Nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân. - Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người; khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử. - Không xâm phạm của công. - Đấu tranh với các hành vi thiếu trung 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt. - Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt		
	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
		thực trong học tập và trong cuộc sống.	
Trách nhiệm			
Có trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ. - Có ý thức sinh hoạt nền nếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ. - Có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lí đồ dùng của bản thân. - Có ý thức tiết kiệm thời gian; sử dụng thời gian hợp lí; xây dựng và thực hiện chế độ học tập, sinh hoạt hợp lí. - Không đổ lỗi cho người khác; có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. - Có ý thức sử dụng tiền hợp lí khi ăn uống, mua sắm đồ dùng học tập, sinh hoạt. - Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Có trách nhiệm với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình. - Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến các công việc của gia đình. - Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. - Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí trong gia đình.
Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công. - Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau. - Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. - Tôn trọng và thực hiện nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật về giao thông; có ý thức khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. - Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt		
	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	<p>hành các quy định, quy ước nơi công cộng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp. - Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đồng tình với những hành vi không phù hợp với nếp sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng. - Tham gia, kết nối Internet và mạng xã hội đúng quy định; không tiếp tay cho kẻ xấu phát tán thông tin ảnh hưởng đến danh dự của tổ chức, cá nhân hoặc ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá, trật tự an toàn xã hội. 	<p>bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.</p>
Có trách nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích. - Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi. - Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên. - Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên. - Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh”
2. Chương trình phối hợp công tác 1464/CTr-BGDĐT-TWĐTN giữa ngành Giáo dục và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh năm học 2022-2023 do Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ban hành ngày 17/10/2022.
3. Chương trình phối hợp công tác 1480/CTr-BGDĐT-TWĐTN giữa ngành Giáo dục và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh năm học 2020-2021 do Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ban hành.
4. Chương trình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống văn hóa cho thanh thiếu niên nhi đồng trên không gian mạng
5. Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”
6. Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030”
7. Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH về xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường tiểu học.
8. Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.
9. Trần Ngọc Giao (Chủ biên), Quản lý trường phổ thông, Học viện Quản lý giáo dục, 12.2018
10. K.B. Everard Geoffrey Morrisian Willson, Quản trị hiệu quả trường học, Dự án Srem sưu tầm và biên dịch
11. Luật An ninh mạng
12. Luật Thanh niên, số 57/2020/QH14 ngày 16/6/2020.
13. Luật Trẻ em, số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016.
14. Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.
15. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo
16. Hoàng Phê chủ biên (2004) Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn Ngữ học, NXB Đà Nẵng.
17. Quyết định số 1895/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030” ngày 11 tháng 11 năm 2021.
18. Nguyễn Thị Thi (2017), *Quản lý giáo dục đạo đức cho HS trường THCS Thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, Luận án TS.
19. Nguyễn Thành Vinh (2012), Khoa học quản lý đại cương, NXBGD Việt Nam.
20. <https://thachthat.edu.vn/news>
21. <http://c2minhchau.edu.vn/van-ban-cong-van>
22. <https://www.thtanthienga.bentre.edu.vn>